

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẢI DƯƠNG

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC/MÔ ĐUN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
NGÀNH/NGHỀ:
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngàytháng.... năm.....
..... của

....., năm

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Giáo trình “Tu tưởng Hồ Chí Minh” do tác giả biên soạn là tài liệu thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo cao đẳng. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, giúp người học vận dụng kiến thức của Người vào thực tế cuộc sống.

Tư tưởng Hồ Chí Minh được biên soạn dựa trên giáo trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và mục tiêu đào tạo của Trường Cao đẳng Hải Dương.

Tư tưởng Hồ Chí Minh lần đầu được biên soạn nên chắc chắn còn có những hạn chế nhất định. Tập thể tác giả rất mong nhận được sự góp ý của đồng nghiệp và các em sinh viên để giáo trình hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản. Mọi góp ý xin gửi về địa chỉ: *Hoangngatcdhd@gmail.com*.

MỤC LỤC

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	8
1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	8
1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.....	8
1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	9
1.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	11
1.3. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN	11
<i>Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....</i>	<i>13</i>
1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	13
1.1. Cơ sở khách quan	13
1.2. Nhân tố chủ quan.....	16
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH....	17
2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước	17
2.2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc	18
2.3. Thời kỳ từ năm 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam.....	18
2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng	20
2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện ...	21
3. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	21
3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc	21
3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới	22
<i>Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC</i>	<i>25</i>
1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC	25
1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa	25
1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.....	27
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	29
2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc	29
2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.....	30
2.3. Con đường giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng công sản lãnh đạo	31
2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc	31

2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc	32
2.6. Các mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực	34
<i>Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....</i>	
1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	36
1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	36
1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	36
1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của CNXH ở Việt Nam	38
2. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM	40
2.1. Con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam	40
2.2. Biện pháp	43
<i>Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....</i>	
1. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	45
1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	45
1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam	47
1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền.....	49
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH.....	49
2.1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng	49
2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	50
<i>Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</i>	
1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC	53
1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.....	53
1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc	54
1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.....	55
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	57
2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.....	57
2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.....	59
2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế	61
<i>CHƯƠNG 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN</i>	
1. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ	64

1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội	64
1.3. Thực hành dân chủ	65
2. QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN.....	66
2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân	66
2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước	68
2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ	69
2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả	70
<i>Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ.....</i>	<i>73</i>
1. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA	73
1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....	73
1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa	73
1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực của văn hóa.....	74
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC	75
2.1. Nội dung cơ bản của Hồ Chí Minh về đạo đức	75
2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	77
3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI.....	78
3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người.....	78
3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”	78

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học:

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học

- **Vị trí:** Là môn học cơ sở của chương trình đào tạo cao đẳng chính quy
- **Tính chất:** Nội dung môn học này gồm những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh: quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực cụ thể: về cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về đại đoàn kết, về xây dựng Đảng, Nhà nước và về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.
- **Ý nghĩa và vai trò của môn học:** Nội dung môn học giới thiệu đến người học nhằm giúp người học hiểu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của bản thân.

Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học có khả năng thực hiện:

- Về kiến thức:

Nêu được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống những quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; một số vấn đề về vận dụng và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới.

- Về kỹ năng:

- Nhận diện, phân tích, phân biệt được một cách chính xác những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đánh giá được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tế cuộc sống.

- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của bản thân và học sinh.

- Lập luận, thuyết trình một cách mạch lạc, dễ hiểu những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tự học, tự nghiên cứu một cách hiệu quả.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Cảm phục nghị lực và trí tuệ của lãnh tụ cách mạng Hồ Chí Minh – Người tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam.

- Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

- Có trách nhiệm cao trong việc vận dụng TTHCM vào giáo dục học sinh trong công tác sau này.

Nội dung môn học

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng phân tích khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó thấy được giá trị, ý nghĩa của việc học tập môn học

Chương bao gồm các nội dung:

- Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Ý nghĩa của việc học tập môn học với sinh viên

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Khái tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Ý nghĩa của việc học tập môn học với sinh viên

Nội dung chính

1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Khái niệm tư tưởng

- Theo nghĩa phổ thông: Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện quan hệ của con người với thế giới xung quanh

- Trong thuật ngữ “tư tưởng Hồ Chí Minh”, khái niệm “tư tưởng” có ý nghĩa ở tầm khái quát triết học.

+ Khái niệm “tư tưởng” ở đây không phải dùng với nghĩa tinh thần – tư tưởng, ý thức tư tưởng của một cá nhân, một cộng đồng.

+ Khái niệm “tư tưởng” được dùng với nghĩa là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

1.1.2. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

- Quá trình nhận thức của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh đi từ thấp đến cao, cụ thể đến hệ thống hoàn chỉnh.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong nhận thức của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

+ Văn kiện của Đại hội VII định nghĩa: “*tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết*

quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4 - 2006) xác định toàn diện và có hệ thống những vấn đề cốt yếu thuộc nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”.

Trong định nghĩa này Đảng ta bước đầu làm rõ:

- + Một là, bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.
- + Hai là, nguồn gốc tư tưởng, lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh: chủ nghĩa Mác – Lênin; giá trị văn hóa dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại.
- + Ba là, nội dung cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm những vấn đề có liên quan trực tiếp đến cách mạng Việt Nam.
- + Bốn là, giá trị, ý nghĩa, sức hấp dẫn, sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh: soi đường thắng lợi cho cách mạng Việt Nam; tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã đưa ra định nghĩa: “ *Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người*”.

- Hiện nay tồn tại hai phương thức tiếp cận hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh
- + Thứ nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh được nhận diện như một hệ thống tri thức tổng hợp, bao gồm: tư tưởng triết học; tư tưởng kinh tế; tư tưởng chính trị; tư tưởng quân sự; tư tưởng văn hóa, đạo đức và nhân văn.
- + Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam, bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam...

1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

- Các quan điểm của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được phản ánh trong các bài nói, bài viết mà còn được thể hiện qua quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng phong phú của Người; được Đảng Cộng sản vận dụng, phát triển sáng tạo qua các giai đoạn cách mạng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm khẳng định sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan nhằm giải đáp các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra.

- Các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

- Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta.

- Các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

1.1.3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.3.1. Mối quan hệ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận, nguồn gốc tư tưởng, lý luận trực tiếp quyết định bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Mác – Lênin, là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam.

- Môn tư tưởng Hồ Chí Minh với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ, thống nhất.

1.1.3.2. Mối quan hệ của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hồ Chí Minh là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam sáng lập, giáo dục, rèn luyện và là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận tư tưởng của Đảng, nhưng với tư cách là bộ phận nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng, là cơ sở khoa học cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin để xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn. Như vậy, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn bó chặt chẽ với môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.2.1. Cơ sở phương pháp luận

- Phải dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học chủ nghĩa Mác – Lênin và bản thân các quan điểm có giá trị phương pháp luận của Hồ Chí Minh.

- Một số nguyên tắc trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh:

+ *Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học*

+ *Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn*

+ *Quan điểm lịch sử - cụ thể*

+ *Quan điểm toàn diện và hệ thống*

+ *Quan điểm kế thừa và phát triển*

+ *Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh*

1.2.2. Các phương pháp cụ thể

- Phương pháp: được hiểu là cách thức đề cập tới hiện thực, cách thức nghiên cứu các hiện tượng của tự nhiên và của xã hội. Phương pháp là hệ thống các nguyên tắc điều chỉnh nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn xuất phát từ các quy luật vận động của khách thể được nhận thức.

- Giữa phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu có mối quan hệ mật thiết và chi phối lẫn nhau. Vì vậy, ngoài các nguyên tắc phương pháp luận chung cần phải vận dụng một phương pháp cụ thể phù hợp. Trong đó, việc vận dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic là hết sức cần thiết trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Vận dụng phương pháp liên ngành trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Cần phải đổi mới và hiện đại hóa các phương pháp nghiên cứu cụ thể trên cơ sở không ngừng phát triển và hoàn thiện về lý luận và phương pháp luận khoa học nói chung.

- Trong nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay, các phương pháp cụ thể thường được áp dụng có hiệu quả là: phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu...

1.3. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1.3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

- Nâng cao vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần.

- Bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường, quan điểm cách

mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh...

1.3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

- Giáo dục đạo đức, tư cách phẩm chất cách mạng cho cán bộ đảng viên.
- Nâng cao lòng tự hào về Người, về Đảng Cộng sản, về Tổ quốc Việt Nam.
- Vận dụng vào trong cuộc sống.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, đối tượng và nhiệm vụ của môn học? Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với mỗi sinh viên?
2. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu, học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Trình bày nhiệm vụ nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.
4. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên.
5. Phân tích mối quan hệ giữa môn tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, xác định được nhân tố quyết định sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương bao gồm các nội dung:

- Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các thời kỳ lịch sử.
- Những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các thời kỳ lịch sử.
- Những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung chính

1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Cơ sở khách quan

1.1.1. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước và thế giới có nhiều biến động.

+ Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, chính quyền triều Nguyễn đã từng bước khuất phục, lần lượt ký các hiệp ước đầu hàng (Hiệp ước Hác - măng năm 1883, Hiệp ước Patenôt năm 1884) thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam. Việt Nam từ xã hội phong kiến độc lập trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

+ Cho đến cuối thế kỷ XIX, các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp vẫn diễn ra mạnh mẽ. Phong trào Cần Vương (1885 - 1896) do các sĩ phu, văn thân lãnh đạo; các cuộc khởi nghĩa: Ba Đình của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881 - 1887), Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (1883 - 1892) và Hương Khê của Phan Đình Phùng (1885 - 1895)...

Sự thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến đã tỏ ra lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.

+ Các cuộc khai thác của thực dân Pháp khiến cho xã hội nước ta có sự chuyển biến và phân hoá, giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản và tư sản bắt đầu xuất hiện,

tạo ra những tiền đề bên trong cho phong trào yêu nước giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

+ Đầu thế kỷ XX, các phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản do ảnh hưởng của trào lưu cải cách ở Nhật Bản, Trung Quốc và các “tân thư”, “tân văn”, “tân báo”:

- ✓ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh là các sĩ phu Nho học có tư tưởng tiên bộ, thức thời đã cố gắng tổ chức và vận động cuộc đấu tranh yêu nước chống Pháp theo mục tiêu và phương pháp mới.
- ✓ Phan Bội Châu chủ trương cầu ngoại viện, chủ yếu là Nhật Bản, dùng bạo lực để khôi phục độc lập, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật song đã thất bại.
- ✓ Chủ trương “ ỹ Pháp cầu tiên bộ” khai thông dân trí, nâng cao dân khí trên cơ sở đó mà dần dần tính chuyện giải phóng...của Phan Chu Trinh cũng không thành công.
- ✓ Còn con đường khởi nghĩa của anh hùng Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, chưa phải là lối thoát rõ ràng, hướng đi đúng đắn.

Phong trào yêu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi, phải đi theo một con đường mới.

- *Bối cảnh thời đại:*

+ Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó:

Từ cuối thế kỷ thứ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa) đã xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là một hiện tượng quốc tế, một hệ thống thế giới, chúng vừa tranh giành, xâm xé thuộc địa, vừa vào hòa với nhau để nô dịch các dân tộc nhỏ yếu trong vòng kìm kẹp thuộc địa của chúng. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa. Phong trào đấu tranh của các dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

+ Tác động Cách mạng Tháng Mười Nga

- ✓ Từ cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân các nước tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã dẫn đến một cao trào mới của cách mạng thế giới với đỉnh cao là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Chính cuộc cách mạng vĩ đại này đã làm “ thức tỉnh các dân tộc châu Á” .
- ✓ Cách mạng Tháng Mười Nga đã lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập Chính quyền Xôviết, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người.
- ✓ Cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công đã nêu một tấm gương sáng về sự giải phóng các dân tộc bị áp bức “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”.

+ Ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản

Với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (3 - 1919), phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông càng có quan hệ mật thiết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

1.1.2. Những tiền đề tư tưởng - lý luận

- *Giá trị truyền thống dân tộc*

Trước hết, đó là chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước.

Thứ hai là tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách” trong hoạn nạn, khó khăn.

Thứ ba, dân tộc Việt Nam là một dân tộc có truyền thống lạc quan, yêu đời. Trong muôn nguy, ngàn khó, người lao động vẫn động viên nhau “chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo”.

Thứ tư, dân tộc Việt Nam là một dân tộc cần cù, dũng cảm, thông minh, tài sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu, quý trọng hiền tài, khiêm tốn tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại để làm giàu cho văn hoá dân tộc...

Trong những giá trị đó, chủ nghĩa yêu nước truyền thống là tư tưởng, tình cảm cao quý, thiêng liêng nhất là cội nguồn của trí tuệ sáng tạo và lòng dũng cảm của người Việt Nam, cũng là chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc.

Chính sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đã thúc giục Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, tìm kiếm những gì hữu ích cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước sẽ biến thành lực lượng vật chất thực sự khi nó ăn sâu vào tiềm thức, vào ý chí và hành động của mỗi con người.

- *Tinh hoa văn hoá nhân loại*

Kết hợp các giá trị truyền thống của văn hoá phương Đông với các thành tựu hiện đại của văn minh phương Tây - đó chính là nét đặc sắc trong quá trình hình thành nhân cách và văn hoá Hồ Chí Minh.

+ Tư tưởng và văn hoá phương Đông

✓ Về Nho giáo

Người tiếp thu những mặt tích cực đó là các triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời, đó là ước vọng về một xã hội bình trị, hoà mục, hoà đồng, là triết lý nhân sinh; tu thân dưỡng tính; đề cao văn hoá lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học. Người dẫn lời của V.I.Lênin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới tiếp thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”.

✓ Về Phật giáo

Thứ nhất là tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như

thể thương thân, một tình yêu bao la đến cả chim muông, cây cỏ.

Thứ hai là nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm việc thiện.

Thứ ba là tinh thần bình đẳng, dân chủ, chống phân biệt đẳng cấp. Đức Phật nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”.

Thứ tư là việc đề cao lao động, chống lười biếng “nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”; là chủ trương sống không xa lánh việc đời mà gắn bó với dân, với nước, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân chống kẻ thù dân tộc...

✓ Chủ nghĩa “Tam dân” của Tôn Trung Sơn

Người đã tìm thấy trong đó “những điều thích hợp với điều kiện của nước ta”.

+ Tư tưởng và văn hoá phương Tây

✓ Người sớm làm quen với văn hoá Pháp, tìm hiểu các cuộc cách mạng ở Pháp và ở Mỹ.

✓ Người trực tiếp đọc và tiếp thu các tư tưởng về tự do, bình đẳng qua các tác phẩm của các nhà khai sáng như Vonte, Rút-xô, Mông-tét-xkiơ...

✓ Người tiếp thu các giá trị của bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Đại cách mạng Pháp, các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của Tuyên ngôn độc lập ở Mỹ năm 1776.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin: cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh*

+ Việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin ở Hồ Chí Minh diễn ra trên nền tảng của những tri thức văn hoá tinh tuý được chắt lọc, hấp thụ và một vốn chính trị, vốn hiểu biết phong phú, được tích luỹ qua thực tiễn hoạt động đấu tranh vì mục tiêu cứu nước và giải phóng dân tộc.

+ Bản lĩnh đó đã nâng cao khả năng độc lập tự chủ và sáng tạo ở Người khi vận dụng những nguyên lý cách mạng của thời đại vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

+ Người tiếp thu lý luận Mác – Lênin theo phương pháp mácxít, nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất. Người vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở.

1.2. Nhân tố chủ quan

- *Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh*

+ Những năm tháng hoạt động trong nước và bốn ba khắp thế giới để học tập, nghiên cứu, Hồ Chí Minh đã không ngừng quan sát, nhận xét thực tiễn, làm phong phú thêm sự hiểu biết của mình, đồng thời hình thành những cơ sở quan trọng để tạo dựng nên những thành công trong lĩnh vực hoạt động lý luận của Người về sau.

+ Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh khám phá các quy luật

vận động xã hội, đời sống văn hoá và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn và được kiểm nghiệm trong thực tiễn.

- *Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn*

+ Trước hết đó là tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, cộng với đầu óc phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc nhận xét, đánh giá các sự vật, sự việc xung quanh.

+ Bản lĩnh kiên định, luôn tin vào nhân dân; khiêm tốn, bình dị, ham học hỏi; nhạy bén với cái mới, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn.

+ Đó là sự khổ công học tập để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức nhân loại, là tâm hồn của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của đồng bào.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tổng hoà của những điều kiện khách quan và chủ quan, của truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại. Cùng với thực tiễn dân tộc và thời đại được Hồ Chí Minh tổng kết, chuyển hoá sắc sảo, tinh tế với một phương pháp khoa học, biện chứng, *tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng Việt Nam hiện đại.*

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

- *Giới thiệu về Hồ Chí Minh:*

+ Sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình nho giáo, yêu nước.

+ Lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi là Nguyễn Tất Thành.

- *Gia đình:*

+ Cha là Nguyễn Sinh Sắc, một nhà nho cấp tiến, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Tấm gương lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt qua gian khổ để đạt được mục tiêu, đặc biệt là tư tưởng *thân dân*, lấy dân làm hậu thuẫn cho các cải cách chính trị - xã hội của cụ Phó bảng đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với quá trình hình thành nhân cách của Nguyễn Tất Thành.

+ Cuộc sống của người mẹ - bà Hoàng Thị Loan - cũng ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Sinh Cung về đức tính nhân hậu, đảm đang, sống chan hoà với mọi người.

+ Mỗi quan hệ và tác động qua lại giữa ba chị em Nguyễn Thị Thanh (Nguyễn Thị Bạch Liên), Nguyễn Sinh Khiêm (Nguyễn Tất Đạt) và Nguyễn Sinh Cung (Nguyễn Tất Thành) về lòng yêu nước, thương nòi.

- *Quê hương:* Nghệ Tĩnh là vùng đất vừa giàu truyền thống văn hoá, vừa giàu truyền thống lao động, đấu tranh chống ngoại xâm...

Trong thời kỳ này ở Hồ Chí Minh đã hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, ham muốn học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.

2.2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

- Năm 1911, Nguyễn Tất Thành sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- Từ năm 1911 - 1920 là thời kì Nguyễn Tất Thành bôn ba khắp các châu lục để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc thuộc địa.

- + Qua cuộc hành trình đến nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc, tư bản, đế quốc, Người đã xúc động trước cảnh khổ cực, bị áp bức của nhiều người dân lao động. Người nhận thấy, ở đâu nhân dân cũng mong muốn thoát khỏi áp bức, bóc lột.

- + Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam tới Hội nghị Vécxây, đòi chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của nhân dân Việt Nam.

- + Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo L'Humanité, số ra ngày 16 và 17 tháng 7, Người đã “cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng...vui mừng đến phát khóc...”.

- + Tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đã đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản. Người khẳng định: “*muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

2.3. Thời kỳ từ năm 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam

- Trong giai đoạn từ năm 1921 - 1930, Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động thực tiễn và lý luận hết sức phong phú, sôi nổi để tiến tới thành lập chính đảng cách mạng ở Việt Nam.

- + Thời kỳ hoạt động tại Pháp (1921 - 6/1923)

- ✓ Người hoạt động tích cực trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp.
- ✓ Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số chiến sĩ cách mạng ở nhiều nước thuộc địa của Pháp lập ra *Hội liên hiệp thuộc địa*. Hội quyết định xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria).
- ✓ Cuối năm 1921, tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Pháp họp ở

Mácxây, Nguyễn Ái Quốc trình bày dự thảo nghị quyết về vấn đề “ *Chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa*” và kiến nghị thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa trực thuộc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

- ✓ Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban nghiên cứu về vấn đề Đông Dương.
- ✓ Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài đăng trên các báo *Người cùng khổ* (Le Paria), *Nhân đạo* (L' Humanité) của Đảng Cộng sản Pháp, *Đời sống công nhân* (La Vie ouvriere) của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp.
 - + Thời kỳ hoạt động tại Liên Xô (6/1923 - 11/1924)
- ✓ Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Mátxcova để tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân.
- ✓ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp học tập, nghiên cứu kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Lênin.
- ✓ Người viết nhiều bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô và tạp chí *Thư tín quốc tế* của Quốc tế Cộng sản.
- ✓ Năm 1924, Người tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và các đại hội của Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ.
 - + Thời kỳ hoạt động tại Trung Quốc (11/1924 - 1927)
- ✓ Ngày 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây Người cùng các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan...thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*.
- ✓ Tháng 6 - 1925, Người sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, hạt nhân là *Cộng sản đoàn*. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tuần báo *Thanh niên*.
- ✓ Thời kỳ hoạt động tại Thái Lan (1928 - 1929).
 - Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc như *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927), *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* (*Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt*) (1930) và nhiều bài viết khác của Người trong giai đoạn này là sự phát triển và tiếp tục hoàn thiện tư tưởng cách mạng về giải phóng dân tộc. Những tác phẩm có tính chất lý luận nói trên chứa đựng nội dung căn bản sau:
 - + Chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.
 - + Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải đi theo con đường cách mạng vô sản và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.
 - + Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng không phụ thuộc vào nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc có thể bùng nổ và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc.
 - + Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc “dân tộc cách mệnh”, đánh đổ bọn

ngoại xâm, giành độc lập, tự do.

+ Ở một nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, bị đế quốc, phong kiến bóc lột nặng nề. Vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc, muốn giành được thắng lợi cần phải thu phục, lôi cuốn được nông dân đi theo, cần xây dựng khối công nông liên minh làm động lực cho cách mạng. Đồng thời, cần phải thu hút, tập hợp rộng rãi các giai cấp xã hội khác vào trận tuyến đấu tranh chung của dân tộc.

+ Cách mạng muốn thành công trước hết cần phải có Đảng lãnh đạo.

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân chứ không phải việc của một vài người. Vì vậy, cần phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp lên cao.

Những quan điểm tư tưởng cách mạng trên đây của Nguyễn Ái Quốc được giới thiệu trong các tác phẩm của Người, cùng các tài liệu mácxít khác, theo những đường dây bí mật truyền về trong nước, tạo ra một xung lực mới, một chất men kích thích, thúc đẩy phong trào dân tộc phát triển theo xu hướng mới của thời đại.

2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

- Vào cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ XX, Quốc tế Cộng sản bị chi phối nặng bởi khuynh hướng “tả”. Khuynh hướng này đã trực tiếp tác động vào phong trào cách mạng Việt Nam. Biểu hiện rõ nhất là những quyết định được đưa ra trong Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp từ ngày 14 đến 31 tháng 10 năm 1930 tại Hương Cảng (Trung Quốc) theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

+ Hội nghị quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

+ Hội nghị ra nghị quyết “ *thủ tiêu Chánh cương, Sách lược của Đảng*” và phải dựa vào các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

- Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản, chống lại những biểu hiện “tả” khuynh và biệt phái trong Đảng.

- Thực tiễn đã chứng minh quan điểm của Người là hoàn toàn đúng đắn.

+ Tháng 7 năm 1935, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã phê phán khuynh hướng “tả” trong phong trào cộng sản quốc. Trên quan điểm đó năm 1936, Đảng ta đã đề ra chính sách mới, phê phán những biểu hiện “tả” khuynh, cô độc, biệt phái trước đây.

+ Trong giai đoạn 1936 - 1939 Đảng ta đã có sự chuyển hướng đấu tranh với nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Đảng chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

+ Hội nghị Trung ương VI (11 - 1939) đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên

hàng đầu.

+ Ngày 28 - 1 - 1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (từ 10 đến 19 - 1941) họp tại Pác Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam.

+ Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng, phát triển ngày càng sát đúng với hoàn cảnh Việt Nam.

2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

- Đây là thời kỳ Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta vừa tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, vừa xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1945 - 1954); tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc (1954 - 1975).

- Xuất phát từ thực tiễn, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiều vấn đề đã tiếp tục được bổ sung và phát triển, hợp thành một hệ thống những quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam. Đó là: tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng và chiến lược về con người...

3. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

1.3.1.1. Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của dân tộc và thời đại, nó trường tồn, bất diệt, là tài sản vô giá của dân tộc ta.

- Tính sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở chỗ: trung thành với những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời Người đã vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta

- Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, với những hoạt động cách mạng của Người. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh và đã quyết định ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của Đảng: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

1.3.1.2. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng vững chắc để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tới thắng lợi.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi sống với chúng ta, vì đã thấm sâu vào quần chúng nhân dân, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đối với thời đại. Qua thực tiễn cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng toả sáng, chiếm lĩnh trái tim, khối óc của hàng triệu, hàng triệu con người.

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

1.3.2.1. Phản ánh khát vọng thời đại

C. Mác khái quát “Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu nó không tìm ra những người như thế..., nó sẽ nặn ra họ”.

- Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Người đã có những cống hiến xuất sắc về *lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa* dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin: Giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Người chỉ rõ tầm quan trọng đặc biệt của độc lập dân tộc trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội, về tính *tự thân vận động* của đấu tranh giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc và về khả năng cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Việc xác định đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị to lớn về mặt lý luận và đang trở thành hiện thực của nhiều vấn đề quốc tế ngày nay.

1.3.2.2. Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người

Có thể nói, đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh là từ việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc đến việc xác định được một con đường cách mạng, một hướng đi và tiếp theo đó là một phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu người bị áp bức trong các nước thuộc địa lạc hậu.

- Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn vấn đề “Làm cách nào để giải phóng dân tộc thuộc địa”: Người đã xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, và chiến thắng chủ nghĩa đế quốc, cần phải thực hiện “đại đoàn kết”, “đại hoà hợp”. Đây là một đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh.

- Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thế giới còn là ở chỗ, ngay từ rất sớm, Người đã nhận thức đúng *sự biến chuyển* của thời đại. Người đặt cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa vào phạm trù cách mạng vô sản; Người cương quyết bảo vệ và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với cách mạng vô sản.

- Với việc nắm bắt chính xác *xu thế phát triển* của thời đại, Hồ Chí Minh đã đề

ra đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam. Người khẳng định: "... trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi".

1.3.2.3. *Cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả*

Hồ Chí Minh là vị anh hùng dân tộc vĩ đại, người thầy thiên tài của cách mạng Việt Nam, một nhà mácxít - lêninít lỗi lạc, nhà hoạt động xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX.

- Sự nghiệp cứu nước của Người đã xoá bỏ tất cả những tủi nhục nô lệ đè nặng trên đầu dân tộc ta trong gần một thế kỷ. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta xoá bỏ được mọi hình thức áp bức, bóc lột và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Sự nghiệp cách mạng vĩ đại và phẩm chất đạo đức cao quý đã thống nhất làm một ở Hồ Chí Minh.

- Trong lòng nhân dân thế giới Chủ tịch Hồ Chí Minh là bất diệt.

+ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà Angiêri: "... cuộc chiến đấu của Người sẽ là kim chỉ nam cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh, cho thanh niên và cho các nhà lãnh đạo trên toàn thế giới" (Bumêdiên).

+ Tên tuổi của Đồng chí Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi gắn bó với những hành động cao cả nhất và những ước mơ cao quý nhất của nhân loại" (trích điện văn của Ủy ban toàn quốc của Đảng Cộng sản Mỹ).

+ "Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày nay là ngôi sao trên bầu trời của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, đang chỉ đường cho chúng ta bằng ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong sự nghiệp của chúng ta, nhất định Người sẽ sống mãi" (R. Arismendi Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Uruguay).

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?
2. Trình bày các giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Giai đoạn nào có ý nghĩa vạch đường cho cách mạng Việt Nam? Vì sao?
3. Phân tích những giá trị truyền thống của dân tộc hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Những tinh hoa văn hóa nhân loại nào đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh?
5. Tại sao nói chủ nghĩa Mác – Lênin có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?
6. Những nhân tố chủ quan nào đã tạo nên tư tưởng Hồ Chí Minh?
7. Bước ngoặt lịch sử trong nhận thức của Hồ Chí Minh diễn ra khi nào?
8. Phân tích giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và thế giới?
9. Vì sao nói: Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam? Trình bày ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá sự kế thừa và phát triển lý luận về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, vận dụng lý luận về vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Chương bao gồm các nội dung:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa, độc lập dân tộc cũng như mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.
- Hệ thống luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc và những nhân tố đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng nước ta.

Nội dung chính

1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

a) Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- *Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc*

Hồ Chí Minh không bàn về vấn đề dân tộc nói chung, Người dành sự quan tâm đến các nước thuộc địa.

+ Qua các tác phẩm như: *Tâm địa thực dân, Bình đẳng, Vực thẳm thuộc địa, Công cuộc khai hoá giết người...*, đã tố cáo chủ nghĩa thực dân, vạch trần bộ mặt thật xâm lược của chúng. Người viết: “*Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điểm trang cho cái huy chương mực nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng Bác ái, Bình đẳng...*”

+ Trong những bài có tiêu đề “*Đông Dương*” và nhiều bài khác, Người lên án mạnh mẽ chế độ cai trị hà khắc, sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục. Người chỉ rõ sự đối kháng giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc thực dân là mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa, đó là mâu thuẫn không thể điều hoà được.

- *Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc*

Từ thực tiễn phong trào cứu nước của ông cha và lịch sử nhân loại, Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội.

+ Trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí

Minh viết: “... làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, thực chất đây chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

+ “*Đi tới xã hội cộng sản*” là hướng phát triển lâu dài. Nó quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong việc tiến hành cách mạng.

Nhận xét: Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa. Đó cũng là nét độc đáo khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên CNTB ở phương Tây.

b) *Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa*

- *Cách tiếp cận từ quyền con người*

Trong Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của cách mạng Pháp đã đề cập đến quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được*”. Từ quyền con người, Người đã khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”.

- *Nội dung độc lập dân tộc:*

Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói: “*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu.*”

+ Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxây bản Yêu sách gồm tám điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

+ Năm 1930, Nguyễn Ái Quốc soạn thảo Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng, một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, mà tư tưởng cốt lõi là độc lập, tự do cho dân tộc.

+ Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, viết thư kính báo đồng bào, chỉ rõ: “*trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*”. Người chỉ đạo thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, ra báo Việt Nam độc lập, thảo mười chính sách của Việt Minh.

+ Tháng 8-1945, Hồ Chí Minh đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do của nhân dân ta trong câu nói bất hủ: “*Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành được độc lập*”.

+ Cách mạng Tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, long trọng khẳng định trước thế giới: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập đó*”.

+ Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và chính phủ các nước sau

thời gian cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố: *“Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”*.

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi: *“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*.

+ Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh, ồ ạt đem quân viễn chinh đánh phá miền Nam, đồng thời phá hoại miền Bắc, Hồ Chí Minh nêu lên chân lý lớn nhất thời đại: *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*.

Độc lập, tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm lên chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong thế kỉ XX, một tư tưởng lớn trong thời đại giải phóng dân tộc. *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”* là khẩu hiệu hành động của dân tộc Việt Nam và cũng đồng thời là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

c) Chủ nghĩa dân tộc - Một động lực lớn của đất nước

- Từ những năm 20 của thế kỉ XX, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa ngày càng nặng nề, thì phản ứng của các dân tộc bị áp bức càng quyết liệt.

- Hồ Chí Minh khẳng định: Đối với các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, *“Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”*. Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản là: *“Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa Quốc Tế.”*

- Hồ Chí Minh thấy sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc với tư cách là chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa.

+ Theo Hồ Chí Minh: *“Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta... kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới.”*

1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, nhưng Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.

Sự kết hợp vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh thể hiện:

+ Khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất Đảng Cộng sản.

+ Chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

+ Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

+ Thiết lập chính quyền Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

+ Gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

- Năm 1920, ngay khi quyết định phương hướng giải phóng và phát triển dân tộc theo đường của cách mạng vô sản, ở Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Năm 1960, Người nói: “... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.”

Nhận xét: Tư tưởng Hồ Chí Minh đã phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Hồ Chí Minh nói: “... nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”.

Người khẳng định: “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”.

c. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp vì thế lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

Tháng 5-1941, Người cùng với Trung ương Đảng khẳng định: “... trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này... cũng không đòi lại được”.

d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

- Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới... đề ra khẩu hiệu “giúp bạn là tự giúp mình”, và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

Nhận xét: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng thuộc địa

- Tính chất của cuộc cách mạng thuộc địa

Hồ Chí Minh nhận thấy sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa phương Đông không giống như ở các nước tư bản phương Tây. Họ đều chung một số phận mất nước, giữa họ vẫn có sự tương đồng lớn.

Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân. Chính vì vậy mà tính chất cuộc đấu tranh cách mạng ở các nước thuộc địa trước hết là phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đối tượng của cách mạng thuộc địa là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.

Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc “... *vấn đề cơ bản của cách mạng thuộc địa là vấn đề nông dân*”, và chủ trương nhấn mạnh vấn đề ruộng đất, nhấn mạnh đấu tranh giai cấp.

- Nhiệm vụ của cuộc cách mạng thuộc địa

Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc và người thực hiện nhiệm vụ cách mạng đó chính là nông dân.

Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo xác định nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong đó nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc để giành độc lập dân tộc. Nhiệm vụ ấy bao gồm cả giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (5/1941) do Hồ Chí Minh chủ trì kiên quyết giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, nhấn mạnh đó là “*nhiệm vụ bức thiết nhất*”, chủ trương tạm gác khẩu hiệu “*cách mạng ruộng đất*” và chỉ tiến hành nhiệm vụ đó ở một mức độ thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Trong những bài nói, bài viết thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Hồ Chí Minh tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Cách mạng giải phóng dân tộc nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân.

- Mục tiêu cấp thiết của cách mạng ở thuộc địa chưa phải là giành lại quyền lợi riêng biệt của mỗi giai cấp mà là quyền lợi chung của toàn dân tộc.

- Tháng 5 - 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám chủ

trương: “*thay đổi chiến lược*” từ nhấn mạnh giai cấp sang nhấn mạnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì vậy, cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 cũng như những thắng lợi trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1954 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh.

2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó

- Để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, sử dụng những thứ vũ khí tư tưởng khác nhau song đều thất bại.

- Đất nước lâm vào “... *tình hình đen tối tưởng như không lối ra*”. Đó là tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam thế kỷ XX.

- Sinh ra trong cảnh nước mất nhà tan, nhân dân phải chịu cảnh lầm than Hồ Chí Minh chứng kiến các phong trào yêu nước của ông cha. Chính vì thế, mặc dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha, nhưng Hồ Chí Minh không tán thành con đường của họ mà quyết tâm ra đi tìm một con đường mới. Đoạn tuyệt với sự phát triển theo con đường của chủ nghĩa phong kiến, Hồ Chí Minh đến nhiều quốc gia và châu lục trên thế giới.

b) Cách mạng tư sản là không triệt để

- Trong khoảng 10 năm vượt qua các đại dương đến với nhân loại cần lao đang tranh đấu ở nhiều châu lục và quốc gia trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã kết hợp tìm hiểu lý luận với thực tiễn nhất là ở ba nước tư bản phát triển: Anh, Pháp, Mỹ. Người nhận thấy: “*Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa*”. Bởi lẽ đó, Người không đi theo con đường cách mạng tư sản.

c) Con đường giải phóng dân tộc

- Hồ Chí Minh thấy được cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ là một cuộc cách mạng vô sản mà nó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nó nêu tấm gương sáng về sự giải phóng các dân tộc thuộc địa và “... *mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc và cách mạng giải phóng dân tộc*.”

- Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba vì “... *đã bênh vực cho các dân tộc bị áp bức*”. Người thấy trong lý luận của Lênin một phương hướng mới để giải phóng dân tộc: Con đường cách mạng vô sản.

- Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu yêu nước và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết của chủ nghĩa Mác-lênin và lựa chọn xu hướng chính trị vô sản. Người khẳng định: “*Muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.*”, “*chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.*”

2.3. Con đường giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng công sản lãnh đạo

a) Cách mạng trước hết phải có Đảng lãnh đạo

- Nguyễn Ái Quốc phân tích: “*Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức chắc không thành công...*”, “*Việc giải phóng công nhân và nông dân cho đồng bào, cho nhân loại “là việc to tát” nên phải gắng sức*”. “*Muốn làm cách mạng thì phải bền gan, đồng chí, đồng lòng và biết quyết tâm*”, “*...lại phải biết cách làm thì mới chóng*”.

- Nhưng muốn làm cách mệnh, “*... trước phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu*”. “*Cách mạng phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân... Vậy nên sức cách mạng phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.*”

- Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người khẳng định: “*Trước hết phải có đảng cách mệnh để trong thì vận động tổ chức quần chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản phong kiến mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.*”

b) Đảng cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất

- Đầu năm 1930, Người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam - một chính đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin “*làm cốt*” có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật, nghiêm minh và mật thiết liên lạc với quần chúng.

- Hồ Chí Minh đã xây dựng được một đảng cách mạng tiên phong, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, gắn bó với nhân dân, với dân tộc, một lòng phụng sự Tổ Quốc, phụng sự nhân dân được dân tộc ta thừa nhận là đội tiên phong của mình.

- Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng.

2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

a) Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức

Hồ Chí Minh đã tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin và kế thừa truyền thống “*thân dân*” của dân tộc, Người đặc biệt coi trọng vai trò cách mạng của quần chúng:

*“Gốc có vững cây mới bền
Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”*

- Từ 1924, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân, cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng. Người nghiêm khắc phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động và khẳng định “... *cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc riêng của một hai người*”.

- Trong quá trình chỉ đạo và hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn lấy nhân dân làm nguồn gốc sức mạnh, quan điểm lấy dân làm gốc xuyên suốt quá trình chỉ đạo chiến tranh của Người: “*có dân là có tất cả*”, “... *để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*”.

- Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là then chốt bảo đảm thắng lợi: “... *dân khi mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi*”...

b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc

- Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam từ phong kiến thuần túy đã trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Tất cả mọi mặt của đời sống xã hội đều phải đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội đó. Ngoài giai cấp công nhân và nông dân, giai cấp tư sản dân tộc và một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ mặc dù có mặt hạn chế trong quan hệ với quần chúng nhưng họ cũng là người Việt Nam chịu nỗi nhục mất nước. Đó không phải là giai cấp thống trị mà trái lại có khả năng tham gia phong trào giải phóng dân tộc.

- Hồ Chí Minh phân tích “*Dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp nghĩa là sĩ, nông, công thương đều nhất trí chống lại cường quyền*”.

- Trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc: đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân, tư sản, trí thức, trung nông.

- Trong lực lượng toàn dân tộc Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

+ Động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân, Người phân tích công nhân và nông dân có số lượng đông nhất nên có sức mạnh lớn nhất. Họ lại bị áp bức, bóc lột nặng nề nên “... *lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết*.”

+ Công nông là gốc cách mệnh.

Đây là một vấn đề hết sức mới mẻ của Bác so với các nhà yêu nước trước đó. Tuy vậy Người không coi nhẹ vai trò khả năng tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc của các giai cấp và tầng lớp khác. Người coi tiểu tư sản, tư sản dân tộc và một bộ phận địa chủ là đồng minh của cách mạng.

2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo

- Khi chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc thì thuộc địa trở thành một trong những nguồn sống của chủ nghĩa đế quốc.

- Nguyễn Ái Quốc khẳng định “... *tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản đều lấy từ các xứ thuộc địa.*” Người chỉ rõ “... *nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa*”. Người thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản như Anh, Pháp không thấy được vấn đề quan trọng đó. Hồ Chí Minh khẳng định: trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn.

Theo Hồ Chí Minh “... *phải làm cho các dân tộc từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản*”.

- Tại Đại hội V Quốc tế cộng sản (1924), Nguyễn Ái Quốc phê phán các đảng cộng sản: Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ và các đảng cộng sản ở các nước có thuộc địa chưa thi hành chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa.

- Trong khi yêu cầu Quốc tế cộng sản và các đảng cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện bằng sự nỗ lực tự giải phóng.

- Vận dụng công thức của C.Mác: “... *sự giải phóng của giai cấp công nhân là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân*” Người đi đến luận điểm “*công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em*”

- Người đánh giá cao sức mạnh của một dân tộc vùng dậy chống thực dân và Người chủ trương phát huy năng lực chủ quan của dân tộc, tránh ỷ lại. “*Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập*”.

b) *Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc*

- Hồ Chí Minh cho rằng giữa cách mạng giải phóng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau trong việc chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc nhưng đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải quan hệ phụ thuộc.

- Nhận thức vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Nguyễn Ái Quốc cho rằng cách mạng giải phóng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Đây là luận điểm sáng tạo có giá trị lý luận và tiên tiến, một cống hiến quan trọng của chủ tịch Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Thực tế thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới gần một thế kỷ qua là hoàn toàn đúng đắn.

2.6. Các mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

a) Tính tất yếu của cách mạng bạo lực

- *Tính tất yếu:*

+ Các thế lực đế quốc dùng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước... Vì thế con đường để giành và giữ độc lập chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực.

+ Đánh giá đúng bản chất cực kỳ phản động của bọn đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền.

+ Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng nhân dân.

+ Trong thời kỳ 1940 – 1945 Người cùng Trung ương Đảng chỉ đạo xây dựng cơ sở của cách mạng bạo lực gồm: lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Mặt trận Việt Minh chính là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị.

- *Hình thức cách mạng bạo lực.*

Gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang nhưng phải “*tùy tình hình*” để “*khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi*”.

+ Trong Cách mạng tháng Tám bạo lực cách mạng thể hiện bằng khởi nghĩa vũ trang với lực lượng chính trị là chủ yếu.

+ Trong chiến tranh cách mạng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang và đấu tranh vũ trang giữ vị trí quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch. Nhưng đấu tranh vũ trang không tách biệt đấu tranh chính trị.

b) Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng bạo lực khác hẳn tư tưởng hiếu chiến của các thế lực đế quốc xâm lược, xuất phát từ tình yêu thương, quý trọng con người.

- Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng khi không còn khả năng hòa hoãn khi kẻ thù ngoan cố.

- Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau yêu thương con người, yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý, tranh thủ mọi khả năng hòa bình để giải quyết xung đột nhưng một khi không thể tránh khỏi chiến tranh thì phải kiên quyết tiến hành chiến tranh, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng, dùng khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng để giành, giữ và bảo vệ hòa bình vì độc lập, tự do.

c) Hình thái bạo lực cách mạng

Theo Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc “*lực lượng chính là*

ở dân”. Người chủ trương tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân.

- Xuất phát từ tương quan lực lượng, với phương châm: lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh, Hồ Chí Minh chủ trương phát động chiến tranh nhân dân dựa vào lực lượng toàn dân, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt theo phương châm: toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

- Toàn dân khởi nghĩa, toàn dân nổi dậy là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thái bạo lực cách mạng.

+ Trong chiến tranh “*quân sự là việc chủ chốt*” nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị.

+ Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, có tác dụng thêm bạn, bớt thù... Hồ Chí Minh chủ trương “*nửa đánh, nửa đàm*”.

+ Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch.

+ Chiến tranh về văn hóa cũng rất quan trọng.

+ Trước những kẻ thù lớn mạnh, Hồ Chí Minh chủ trương đánh lâu dài.

+ Tự lực cánh sinh là một phương châm chiến lược rất quan trọng nhằm phát huy sức mạnh chủ quan, tránh trông chờ, ỷ lại... phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, đề cao tinh thần độc lập, tự chủ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm cách mạng bạo lực của Hồ Chí Minh trong các mạng giải phóng dân tộc?

2. Phân tích làm rõ sự bổ sung lý luận kịp thời và sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc?

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh trong việc xây dựng lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc?

4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc vào tình hình hiện nay?

Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng đánh giá đúng đắn sự tất yếu khách quan về thời kỳ quá độ lên CNXH bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Xác định rõ nội dung, biện pháp, bước đi cụ thể trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

Chương bao gồm các nội dung:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội (CNXH): Tính tất yếu khách quan, đặc trưng, mục tiêu và động lực của CNXH ở Việt Nam.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên CNXH: Loại hình quá độ, nhiệm vụ lịch sử, nội dung, biện pháp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

Nội dung chính

1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin
- + Quan điểm của Mác-Ăngghen: Lí luận hình thái kinh tế - xã hội
- + Quan điểm của Lênin: Lí luận cách mạng không ngừng
- Quan điểm của Hồ Chí Minh
- + Tiến lên CNXH là bước phát triển tất yếu ở Việt Nam sau khi nước nhà đã giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản.
- + Mục tiêu giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh lựa chọn cho dân tộc Việt Nam là nước nhà được độc lập, nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH theo quan điểm Mác-Lênin từ lập trường của một người yêu nước. Người tiếp thu một cách sáng tạo và có bổ sung những quan điểm của những nhà sáng lập CNXH.

- Hồ Chí Minh tiếp thu lí luận về CNXH khoa học của lí luận Mác-Lênin trước hết là từ khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH ở một phương diện nữa là đạo đức, hướng tới giá trị nhân đạo, nhân văn macxít, giải quyết tốt quan hệ giữa cá nhân với xã hội theo

quan điểm Mác-Ăngghen.

- Bao trùm lên tất cả là Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ văn hoá:
- + Văn hoá CNXH ở Việt Nam có quan hệ biện chứng với chính trị, kinh tế
- + Xây dựng một nền văn hoá trong đó kết tinh, kế thừa, phát triển những giá trị truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của dân tộc, tiếp thu văn hoá thế giới, kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc và quốc tế.
- + Xây dựng xã hội theo quan điểm của Hồ Chí Minh cũng là tuân theo một quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để xây dựng CXXH. Xây dựng thành công CNXH là điều kiện bảo đảm vững chắc đồng thời là mục tiêu cho độc lập dân tộc hướng tới.

b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của CNXH

Hồ Chí Minh có cách diễn đạt về những vấn đề đầy chất lí luận phong phú, phức tạp bằng ngôn ngữ của cuộc sống của nhân dân Việt Nam, rất mộc mạc, dung dị, dễ hiểu.

- Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội bao gồm những mặt phong phú, hoàn chỉnh trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do, mọi thiết chế, cơ cấu xã hội đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người.

- Hồ Chí Minh diễn đạt về CNXH theo quan niệm của mình trên một số mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... Với cách diễn đạt như vậy của Hồ Chí Minh về CNXH chúng ta không nên tuyệt đối hoá tong mặt hoặc tách riêng rẽ từng mặt của nó mà cần đặt trong một tổng thể chung. Chẳng hạn:

+ Khi nhấn mạnh mặt kinh tế, Hồ Chí Minh nêu lên chế độ sở hữu công cộng của CNXH và phân phối theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có phúc lợi xã hội...

+ Về mặt chính trị, Hồ Chí Minh nêu chế độ dân chủ mọi người được phát triển toàn diện với tinh thần làm chủ.

- Hồ Chí Minh quan niệm về CNXH ở nước ta bằng cách nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Hồ Chí Minh nêu CNXH ở Việt Nam trong ý thức, động lực của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: xây dựng một xã hội như thế là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi, động lực của toàn dân tộc. Với động lực xây dựng CNXH ở Việt Nam, sức mạnh tổng hợp được sử dụng và phát huy, đó là sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Cụ thể hơn, bản chất và đặc trưng của CNXH được Hồ Chí Minh nhấn mạnh

chủ yếu trên những điểm sau:

+ Đó là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân, vì dân dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là khối liên minh công – nông – trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

+ CNXH là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao gắn liền với sự phát triển khoa học kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học- kỹ thuật của nhân loại.

+ CNXH là chế độ không còn người bóc lột người. Đây là một chế độ được hiểu như là một chế độ hoàn chỉnh, đạt đến độ chín muồi: xã hội không có áp bức, bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, phân phối theo lao động. Một xã hội được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý.

+ CNXH là một xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức. Đó là một xã hội có hệ thống những quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không có áp bức, bất công, con người được giải phóng và có điều kiện phát triển toàn diện, hài hoà.

Các đặc trưng trên là hình thức thực hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo trong quá trình xây dựng CNXH. CNXH là hiện thân đỉnh cao của quá trình tiến hoá lịch sử nhân loại, là sự tổng hợp quyện chặt ngay trong cấu trúc nội tại của nó, một hệ thống giá trị làm nền tảng điều chỉnh các quan hệ xã hội. Tất cả những giá trị đó là mục tiêu chủ yếu của CNXH. Khi những giá trị đó đạt được thì loài người sẽ vươn tới lí tưởng cao nhất của CNXH. Ở đó, những năng lực của con người được phát triển toàn diện và phát huy một cách cao nhất.

1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của CNXH ở Việt Nam

a) Mục tiêu của CNXH ở Việt Nam

- Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của CNXH và mục tiêu phấn đấu của Người là một. Đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân, đó là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

- Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của CNXH là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân, đó là tiêu chí tổng quát để khẳng định và kiểm nghiệm tính chất XHCN của các lý luận CNXH và chính sách thực tiễn. Mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên CNXH được Hồ Chí Minh xác định trên tất cả các lĩnh vực:

+ *Mục tiêu chính trị*: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, chế độ chính trị phải là do dân lao động làm chủ, Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng: dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, mà luôn luôn đi đôi với nhau. Một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt

chính trị của nhân dân, mặt khác lại yêu cầu phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ *Mục tiêu kinh tế*: Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nông nghiệp hiện đại, khoa học-kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành mà những ngành chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp trong đó “công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà”.

+ *Mục tiêu văn hoá-xã hội*:

Theo Hồ Chí Minh, văn hoá là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hoá thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội, đó là xoá nạn mù chữ, xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng, phát triển văn hoá nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu...

Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là đào tạo con người. Trong lý luận xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh quan tâm trước hết mặt tư tưởng. Người cho rằng: Muốn có con người mới xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH.

Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng, đồng thời Người cũng rất quan tâm đến mặt tài năng, luôn tạo điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến xã hội. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức là tài năng gắn bó thống nhất trong một con người. Do vậy, tất cả mọi người đều phải luôn trau dồi đạo đức và tài năng, vừa có đạo đức, vừa có tài, vừa “hồng” vừa “chuyên”.

b) Động lực của CNXH ở Việt Nam

Động lực là tất cả những nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội thông qua hoạt động của con người.

Hệ thống động lực của CNXH trong hệ tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú được biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần, nội sinh và ngoại sinh. Người khẳng định động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là liên minh công-nông-trí thức.

- Theo Hồ Chí Minh, con người là động lực của CNXH, hơn nữa là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng).

- Để phát huy sức mạnh của con người với tư cách là cá nhân người lao động,

Hồ Chí Minh đề cập đến một hệ thống nội dung, biện pháp, vật chất và tinh thần nhằm tạo ra sức mạnh thúc đẩy hoạt động của con người cho CNXH

Tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người:

Tác động vào các động lực chính trị - tinh thần như: Phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động, thực hiện công bằng xã hội, sử dụng vai trò điều chỉnh của các yếu tố tinh thần khác: chính trị, văn hoá, đạo đức, pháp luật...

Phát huy sức mạnh cộng đồng của dân tộc - động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân chính là nguồn sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của CNXH.

- Trong hệ thống động lực của CNXH, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, cơ chế, chính sách của Nhà nước cùng với vai trò của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị.

- Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc, lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

- Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh cũng quan tâm đến văn hoá, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của CNXH.

- Ngoài những động lực bên trong, theo Hồ Chí Minh phải kết hợp với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Cùng với việc chỉ ra các động lực phát triển CNXH, Hồ Chí Minh còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của CNXH, làm cho CNXH trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn, đó là tham ô, lãng phí, quan liêu...

2. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

2.1. Con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam

a) Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kì quá độ

- Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin quan niệm có hai con đường quá độ lên CNXH.

+ Con đường thứ nhất là con đường quá độ trực tiếp lên CNXH từ những nước tư bản phát triển ở trình độ cao.

+ Con đường thứ hai là con đường quá độ gián tiếp lên CNXH ở những nước chủ nghĩa tư bản phát triển còn thấp hoặc những nước có nền kinh tế lạc hậu, chưa trải qua thời kì phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng có thể đi lên CNXH trong điều kiện nào đó, nhất là trong điều kiện đảng kiểu mới của giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo và được một hay nhiều nước giúp đỡ.

- Trên cơ sở vận dụng lí luận cách mạng không ngừng, lí luận về thời kì quá độ lên CNXH của chủ nghĩa Mác- Lênin và xuất phát từ đặc điểm thực tiễn Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên CNXH”. Quan niệm này của Người về thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam là quan niệm về một hình thái quá độ gián tiếp cụ thể - quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu sau khi giành được độc lập đi lên CNXH.

- Đặc điểm của thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng:

+ Khi bước vào thời kì quá độ lên CNXH, nước ta có đặc điểm lớn nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN.

+ Đặc điểm trên chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong đó mâu thuẫn cơ bản của thời kì quá độ là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển ngày càng cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

b) Nhiệm vụ lịch sử của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

+ Thực chất của thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến, hiện đại.

+ Thực chất của quá trình cải tạo và phát triển nền kinh tế quốc dân cũng là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện nhân dân ta hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, so sánh lực lượng trong nước và quốc tế có nhiều biến đổi.

Xuất phát từ vấn đề đó, các hình thức đấu tranh phải mang tính toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm chống lại các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa.

- Do đặc điểm và tính chất quy định, theo Hồ Chí Minh, quá độ lên CNXH ở Việt Nam là quá trình dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài. Nhiệm vụ lịch sử của thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam bao gồm hai nội dung lớn:

Một là, xây dựng nền tảng vật chất và kĩ thuật cho CNXH, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng cho CNXH.

Hai là, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.

- Thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam có tính chất tuần tự, dần dần. Tính chất phức tạp, khó khăn của nó được Hồ Chí Minh luận giải trên các điểm sau:

Thứ nhất, đây thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Trong “Di chúc”, Bác đã coi sự nghiệp xây dựng CHXH là một cuộc chiến đấu không lồ của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam.

Thứ hai, trong sự nghiệp xây dựng CNXH, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chưa có kinh nghiệm nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đây là công việc hết sức mới mẻ đối với Đảng ta nên phải vừa làm, vừa học, có thể có vấp vấp và thiếu sót.

Thứ ba, sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta luôn luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá.

- Từ việc chỉ rõ tính chất của thời kì quá độ, Hồ Chí Minh yêu cầu:

+ Đối với cán bộ, đảng viên trong xây dựng CNXH phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn.

+ Về bước đi và hình thức: đây là vấn đề cơ bản phải xác định đúng bước đi và hình thức phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, biết kết hợp các khâu trung gian, quá độ, tuần tự và từng bước từ thấp đến cao.

+ Đối với Đảng: Phải có một năng lực lãnh đạo mạng tính khoa học, vừa hiểu biết các quy luật vận động của xã hội lại phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế.

c) Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kì quá độ

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực

- *Trong lĩnh vực chính trị:*

+ Nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải luôn tự đổi mới và tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ mới: Mỗi quan tâm lớn nhất của Người là làm sao cho Đảng không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, thoái hoá, biến chất.

+ Trong thời kì quá độ lên CNXH phải củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất mà nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo, củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ cũng như từng thành tố của hệ thống chính trị.

- *Trong lĩnh vực kinh tế:*

+ Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa

+ Về cơ cấu kinh tế: Người quan niệm đó là cơ cấu kinh tế nông- công nghiệp, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thoả mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

+ Đối với cơ cấu các thành phần kinh tế: ở nước ta, Hồ Chí Minh là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kì quá độ lên CNXH. Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế.

Đối với kinh tế quốc doanh: Cần ưu tiên phát triển để tạo nền tảng vật chất cho

CNXH, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế hợp tác xã: Là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước cần đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ phát triển. Về tổ chức hợp tác xã, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các nguyên tắc: dần dần, từ thấp đến cao, tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, gò ép, hình thức.

Đối với những người làm nghề thủ công và lao động tự do: Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, ra sức hướng dẫn và giúp họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác.

Đối với các nhà tư sản công thương, Nhà nước không xoá bỏ quyền sở hữu tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo CNXH bằng hình thức tư bản nhà nước.

+ Về quan hệ phân phối và quản lí kinh tế:

Quản lí kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy trong phát triển sản xuất. Người chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng.

Gắn liền với nguyên tắc phân phối theo lao động, Hồ Chí Minh bước đầu đề cập đến vấn đề khoán trong sản xuất: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của CNXH, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung mà lại lợi riêng..., làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay”.

- Trong lĩnh vực văn hoá- xã hội:

+ Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới vấn đề xây dựng con người mới “ muốn xây dựng CNXH trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”.

+ Đề cao vai trò của văn hoá, giáo dục và khoa học kĩ thuật trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng, muốn xây dựng CNXH nhất định phải có học thức, cần phải có cả văn hoá, chính trị, kĩ thuật và CNXH cộng với khoa học chắc chắn đưa loài người đến hạnh phúc vô tận.

+ Người chủ trương phải coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.

2.2. Biện pháp

a) Phương châm

- Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ lịch sử, nội dung của thời kì quá độ lên CNXH ở VN. Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

Một là, xây dựng CNXH là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ mới,

có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em. Học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến, nhưng không được sao chép, máy móc, giáo điều.

Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng CNXH chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

b) Biện pháp

- Hồ Chí Minh xác định phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng CNXH: dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng và việc xác định các bước đi phải luôn căn cứ vào các điều kiện khách quan quy định.

- Hồ Chí Minh nhận thức về phương châm: “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH” không có nghĩa là làm bừa, làm ẩu, “đốt cháy giai đoạn”, chủ quan duy ý chí mà phải làm vững chắc từng bước, phù hợp với điều kiện thực tế.

Trong các bước đi của thời kì quá độ, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến vai trò của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, coi đó là “con đường phải đi của chúng ta”, là nhiệm vụ trọng tâm của thời kì quá độ.

Theo Người công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện thắng lợi trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân.

- Cùng với bước đi, Hồ Chí Minh đã gợi ý nhiều phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng CNXH. Cụ thể là:

+ Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

+ Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam - Bắc khác nhau trong phạm vi một quốc gia.

+ Xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch.

+ Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng CNXH là đem của dân, sức dân, tài dân làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường, biện pháp quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?
3. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn xây dựng đất nước như thế nào?

Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng, đánh giá sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Xác định được vị trí then chốt về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

Chương bao gồm các nội dung:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất, tính tất yếu của quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam và quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền.
- Tính tất yếu khách quan và nội dung công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nội dung chính

1. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Quan điểm của Mác-Ăngghen:

Đảng Cộng Sản = CN xã hội khoa học + phong trào công nhân.
--

Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và phong trào công nhân Châu Âu, khi đề cập tới các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng cộng sản, V.I.Lênin nêu lên hai yếu tố đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân.

Quan điểm của Lênin:

Đảng Cộng Sản = CN Mác + phong trào công nhân.
--

Kế thừa, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, khi đề cập tới sự hình thành của Đảng Cộng sản Việt Nam, bên cạnh hai yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, Hồ Chí Minh còn kể đến yếu tố thứ ba, đó là phong trào yêu nước.

Khái quát về qui luật đặc thù của việc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong bài viết: “Ba mươi năm hoạt động của Đảng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác- Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930.

Quan điểm của Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc hình thành Đảng Cộng sản Đông

Dương vào năm 1930.

Đảng Cộng Sản = CN Mác-Lênin + phong trào công nhân + phong trào yêu nước

=> Đây chính là một quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam:

Một là, phải nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Hai là, phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, hiểu rõ phong trào cách mạng Việt Nam để vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Khi đề cập tới các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đề cập tới yếu tố thứ ba - phong trào yêu nước - vì những lý do sau:

Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam và là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta. Phong trào yêu nước có trước phong trào công nhân.

Hai là, phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó có mục tiêu chung. Cơ sở của sự kết hợp ngay từ đầu, liên tục, chặt chẽ giữa hai phong trào này là do xã hội nước ta tồn tại mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc và tay sai. Vì vậy, hai phong trào này đều có một mục tiêu chung là giải phóng dân tộc, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường.

Ba là, phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải kể đến phong trào nông dân. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Do điều kiện lịch sử chi phối, giai cấp công nhân Việt Nam phần lớn đều xuất thân từ nông dân. Vì vậy, giữa phong trào công nhân và phong trào yêu nước có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam.

=> Như vậy, riêng với cách mạng Việt Nam, sự ra đời của Đảng còn phải kết hợp với yếu tố phong trào yêu nước, là vì:

- Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam;
- Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước vì cả hai phong trào đều cùng mục tiêu chung là chống thực dân, đế quốc;
- Phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân;
- Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự

kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

** Ý nghĩa của phong trào yêu nước:*

- Thấy rõ sự gắn bó giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. Cơ sở xã hội của Đảng không chỉ là giai cấp công nhân mà còn là cả toàn dân tộc.

- Là cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện chiến lược đại đoàn kết của Đảng ta.

1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong cuốn *Đường cách mệnh* xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề: **“Cách mệnh trước hết phải có cái gì?”** Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”. Người đề cao sức mạnh của nhân dân, nhưng sức mạnh ấy chỉ phát huy khi được tập hợp, đoàn kết và được lãnh đạo bởi một tổ chức chính trị, đó chính là Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Vai trò của Đảng Cộng sản thể hiện:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là một chính đảng của giai cấp công nhân, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khả năng đoàn kết, lôi kéo tập hợp lực lượng về phía cách mạng. Đảng hoạt động vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, lợi ích của toàn thể dân tộc Việt Nam và lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới, Đảng không có lợi ích nào khác.

- Đảng Cộng Sản Việt Nam đề ra đường đi cho cách mạng Việt Nam, vạch ra cương lĩnh...

- Đảng Cộng Sản Việt Nam đại diện trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức duy nhất có đầy đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của dân tộc Việt Nam. đã được thực tế lịch sử chứng minh: không có một tổ chức nào có thể thay thế được Đảng Cộng sản Việt Nam, mọi mưu toan hạ thấp vai trò của Đảng, xuyên tạc lịch sử đều đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.

1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: Đảng là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp, là biểu hiện tập trung của lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất của giai cấp công nhân. Trên cơ sở vận dụng và kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có cách thể hiện khác về vấn đề “đảng của ai”:

+ Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-

1951): Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

+ Năm 1953: “Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của dân tộc... Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”.

+ Năm 1957: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc”.

+ Năm 1961: Đảng ta là đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư thiên vị.

+ Năm 1965: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

=> Mặc dù có nhiều cách thể hiện khác nhau, nhưng quan điểm nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng là: ***Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân***. Toàn bộ cơ sở lý luận và nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng đều tuân thủ một cách chặt chẽ lý thuyết về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản của Lênin.

Hồ Chí Minh khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ Dựa trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Mục tiêu của Đảng cần đạt tới là chủ nghĩa cộng sản.

+ Đảng tuân thủ một cách nghiêm túc, chặt chẽ nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

=> Từ đó, Người cũng phê phán những quan điểm không đúng như:

+ Không đánh giá đúng vai trò của giai cấp công nhân.

+ Phê phán quan điểm sai trái chỉ chú trọng công nông mà không thấy rõ vai trò to lớn của các giai cấp, tầng lớp khác.

Mặc dù mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng Đảng không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Quan niệm này có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam, nhân dân Việt Nam coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của chính mình.

- Thành phần của Đảng ngoài công nhân còn có những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác.

- Bản chất giai cấp công nhân của Đảng ngày càng được bảo đảm và tăng cường nếu Đảng gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong mọi thời kỳ cách mạng.

- Sức mạnh của Đảng không chỉ bắt nguồn từ giai cấp công nhân mà còn bắt nguồn từ các tầng lớp nhân dân lao động khác, vì vậy Đảng phải chú trọng tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc.

1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

- Thế nào là Đảng cầm quyền? Trong “Di chúc”, Hồ Chí Minh viết: Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được quyền lực nhà nước và tiếp tục lãnh đạo bộ máy nhà nước hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

- Người chỉ rõ mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho CNXH hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên thế giới”

- Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân: lãnh đạo phải bằng giáo dục, thuyết phục, nghĩa là phải làm cho dân tin, dân phục để dân theo; làm đầy tớ tức là tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân “khô trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

2.1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng tổ chức Đảng. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Người liên tục đề cập đến vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hình thành một hệ thống các luận điểm mang tính nhất quán.

Một là, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò chiến sĩ tiên phong trước giai cấp, dân tộc và nhân dân.

- Khi cách mạng gặp khó khăn, xây dựng Đảng để cán bộ, đảng viên cùng cố lập trường quan điểm, bình tĩnh, sáng suốt, không tỏ ra bị động, lúng túng, bi quan.

- Khi cách mạng trên đà thắng lợi, xây dựng Đảng để xây dựng những quan điểm, tư tưởng cách mạng khoa học, ngăn ngừa chủ quan tự mãn, lạc quan tếu và rơi vào căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản” - theo cách nói của V.I. Lênin.

Hai là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với sự tồn tại của Đảng; còn Đảng, còn hoạt động, còn cần phải tổ chức xây dựng, chỉnh đốn.

Ba là, xây dựng Đảng mang tính tất yếu khách quan bởi những căn cứ sau:

+ Xây dựng Đảng trong mỗi thời kỳ để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng thời kỳ đó.

+ Xây dựng chỉnh đốn Đảng trở thành nhu cầu tự hoàn thiện, tự làm trong sạch nhân cách của mỗi cán bộ đảng viên.

+ Xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền càng phải làm thường xuyên hơn vì theo Người “ Một dân tộc, một đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người mến yêu và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng mang tính quy luật và là nhu cầu tồn tại, phát triển của bản thân Đảng. Chỉnh đốn và đổi mới Đảng có tác dụng và ý nghĩa vô cùng to lớn nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững vàng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Chỉnh đốn và đổi mới Đảng sẽ làm cho Đảng trở thành một khối thống nhất về nhận thức và tư tưởng, làm cơ sở cho sự thống nhất về hành động, đủ sức lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn thử thách tiến về phía trước.

2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

- Để đạt mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Người viết: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng không có chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”. Tuy nhiên, trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Người lưu ý:

Một là, việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng.

Hai là, việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn luôn phù hợp với từng hoàn cảnh.

Ba là, trong quá trình hoạt động, Đảng ta chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bốn là, Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

b) Xây dựng Đảng về chính trị

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng về chính trị bao gồm những nội dung: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị... Trong đó, xây dựng đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Vì vậy, nó trở thành một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng ta. Đảng muốn xây dựng đường lối chính trị đúng đắn cần phải coi trọng những vấn đề sau:

- + Đường lối chính trị phải dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- + Vận dụng nó vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kỳ.
- + Trong xây dựng đường lối chính trị, phải học tập kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em, nhưng cũng phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và của thời đại trong từng giai đoạn hoặc cả thời kỳ dài.

+ Để có đường lối đúng, Đảng phải thực sự là đội tiên phong dũng cảm, là bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Hồ Chí Minh lưu ý cần phải giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh. Đồng thời, Người cũng cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị gây hậu quả nghiêm trọng đối với vận mệnh của Tổ quốc, sinh mệnh chính trị của hàng triệu đảng viên cũng như hàng triệu nhân dân lao động.

c) Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

Hồ Chí Minh khẳng định sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ tổ chức vì vậy phải xây dựng hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao.

Về tổ chức sinh hoạt Đảng, Người đề ra 5 nguyên tắc cơ bản:

- *Tập trung dân chủ* là nguyên tắc cơ bản để xây dựng Đảng Cộng sản thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, phát huy được sức mạnh của Đảng viên và của cả tổ chức Đảng.

- *Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách* là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản.

- *Tự phê bình và phê bình* là nguyên tắc sinh hoạt hết sức quan trọng của Đảng, là quy luật phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Kỷ luật nghiêm minh, tự giác* là sức mạnh vô địch của Đảng.

- *Đoàn kết thống nhất trong là sức mạnh của Đảng*. Người nhắc nhở các đồng chí trong Đảng phải giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Về công tác cán bộ của Đảng, Người chỉ rõ vị trí, vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng: Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền Đảng, Nhà nước với nhân dân. Muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém. Người cán bộ phải có đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực, trong đó, đức, phẩm chất là gốc. Hồ Chí Minh cho rằng, công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung của nó bao gồm các khâu có quan hệ chặt chẽ với nhau: tuyển chọn cán bộ, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá đúng cán bộ; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

d) Xây dựng Đảng về đạo đức

Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng nhân dân. Vì vậy, giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, nhằm làm cho Đảng luôn luôn trong sạch, vững mạnh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?
2. Vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam?
3. Phân tích tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng?
4. Công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam gồm những nội dung gì? Hiện nay công tác đó diễn ra ở địa phương em như thế nào?

Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng đánh giá được vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước, xác định được cơ sở của việc xây dựng đại đoàn kết toàn dân, xác định được tầm quan trọng của đoàn kết quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Từ đó, vận dụng vào việc xây dựng khối đoàn kết ở lớp học, cơ quan nơi công tác sau này.

Chương bao gồm các nội dung:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết quốc tế

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, nội dung, hình thức của đại đoàn kết dân tộc.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết, nội dung và hình thức, nguyên tắc của đoàn kết quốc tế.

Nội dung chính

1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh với kẻ thù của dân tộc và của giai cấp.

- Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp cho phù hợp với những đối tượng khác nhau.

- Nhờ tư tưởng nhất quán và chính sách mặt trận đúng đắn, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công khối đại đoàn kết dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn.

- Hồ Chí Minh cũng nêu ra những luận điểm có tính chân lý, không chỉ với cách mạng Việt Nam mà với cả thế giới: “Đoàn kết làm ra sức mạnh”; “đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”; “đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”; “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”.

Trong bài nói chuyện tại Đại hội đại biểu Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam lần thứ II (25/4/1961) Hồ Chí Minh đã khẳng định một chân lý:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

b) Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ, mục tiêu hàng đầu của Đảng, của dân tộc

- *Đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam(3/3/1951) Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng, tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ: “Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”. Người thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm của quần chúng, gần gũi quần chúng, tổ chức, giáo dục quần chúng...*

- *Đại đoàn kết là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, đồng thời cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng.*

Cách mạng muốn thành công, Đảng phải cụ thể hoá những chính sách, đường lối đúng thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp để tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. Thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc. Năm 1963, khi nói chuyện với các cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “...Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”.

- *Đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ, mục tiêu hàng đầu của dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, là sự nghiệp của quần chúng và do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn, lãnh đạo.*

1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các khái niệm “dân”, “nhân dân” có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ “mọi con dân nước Việt”, “mỗi một người con rồng cháu tiên”, không phân biệt “già trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”. Như vậy, “dân”, “nhân dân” vừa chỉ một tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mọi con người Việt Nam cụ thể, và cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc.

- Nói đến đoàn kết dân tộc, cũng có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Theo ý nghĩa đó, nội hàm khái niệm đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, bao gồm nhiều tầng nấc các quan hệ liên kết qua lại giữa các thành viên, các bộ phận, lực lượng xã hội của dân tộc từ nhỏ đến lớn, từ trong ra ngoài.

- Người còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hoà mối quan hệ giai cấp,

dân tộc để tập hợp lực lượng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc.

b) Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc; đồng thời, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào dân, tin vào con người

- Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

- Muốn đoàn kết phải có lòng khoan dung độ lượng với con người.

Lòng khoan dung, độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, một thủ đoạn chính trị mà là sự tiếp nối và phát triển truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc, từ chính mục tiêu cách mạng mà người suốt đời theo đuổi. Người tha thiết kêu gọi tất cả những ai có lòng yêu nước, không phân biệt tầng lớp, tín ngưỡng chính kiến và trước đây đã từng đứng về phe nào, hãy cùng nhau đoàn kết vì nước, vì dân.

- Để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Theo Người, DÂN là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng, là *nền, gốc* và chủ thể của Mặt trận.

1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a) Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không thể chỉ dừng lại ở quan niệm, ở những lời kêu gọi, những lời hiệu triệu mà phải trở thành chiến lược cách mạng, phải trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân tộc. Nó phải biến thành sức mạnh vật chất, trở thành lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức đó chính là Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh vô địch trong đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn...

- Về một phương diện nào đó, có thể khẳng định rằng, quá trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh cũng là quá trình tìm kiếm mô hình và cách thức tổ chức quần chúng nhân dân, nhằm tạo sức mạnh cho quần chúng cho cuộc đấu tranh... Vì vậy, ngay sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, từng ngành nghề... Đó có thể là các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội... Trong đó, bao trùm

nhất là *Mặt trận dân tộc thống nhất (MTDTTN)*.

- MTDTTN là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, nơi tập hợp con dân nước Việt, không chỉ ở trong nước mà còn bao gồm cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù bất cứ phương trời nào, nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam, đều được coi là Mặt trận.

- Tùy theo từng thời kỳ, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng..., MTDTTN có thể có những nét khác nhau, tên gọi của MTDTTN theo đó, cũng có thể khác nhau: *Hội phản đế đồng minh*(1930), *Mặt trận Dân chủ*(1936), *Mặt trận nhân dân phản đế* (1939)... Song thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam.

b) Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Người viết “Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng”. Trong quá trình lãnh đạo Mặt trận, phải đi đúng đường lối quần chúng. Phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi dậy tinh thần tự giác, tự nguyện, hết sức tránh gò ép, quan liêu, mệnh lệnh.

Hồ Chí Minh căn dặn: “Phải thành thật lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao, tự đại, cho mình là giỏi hơn mọi người; trái lại phải học hỏi điều hay, điều tốt ở mọi người..., Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận sẽ tiến bộ nhiều”.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của tầng lớp nhân dân. Trên cơ sở xác định lợi ích tối cao của dân tộc, những quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân cũng được Hồ Chí Minh kết tinh vào tiêu chí của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa là *độc lập, tự do, hạnh phúc*. Các tiêu chí này được Đảng và Hồ Chí Minh cụ thể trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., phù hợp với mọi tầng lớp, từng đối tượng trong mỗi thời kỳ lịch sử.

- Mặt trận dân chủ thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc bao gồm nhiều gia cấp, tầng lớp, đảng phái..., với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của MTDTTN phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, góp phần củng cố sự bền chặt tạo sự đồng thuận nhất trí cao và thực hiện mục tiêu: “Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”.

- Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ lâu dài, đoàn kết thực sự, chân thành, thân ái giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Người nêu rõ: “Đoàn kết phải

gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết”. Người thường xuyên căn dặn mọi người cần phải khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, đồng thời phải có tâm lòng nhân ái, khoan dung độ lượng, phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình..., nhằm củng cố và mở rộng khối đoàn kết trong MTDDTN.

Hay “Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ”.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển MTDDTN, một mặt, Đảng ta luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả mọi lực lượng có thể tranh thủ được vào Mặt trận; mặt khác, luôn đề phòng và đấu tranh chống mọi biểu hiện của khuynh hướng đoàn kết một chiều, vô nguyên tắc, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ Mặt trận.

2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là *sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do.*

Trong quá trình hoạt động cách mạng, nhờ tổng kết thực tiễn dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã từng bước phát hiện ra sức mạnh tiềm ẩn trong trào lưu cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm xác định cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công và thành công đến nơi khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng.

- Đối tượng đoàn kết quốc tế

+ Đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung.

+ Đoàn kết với nước Nga Xôviết, với Liên Xô và sau này mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới. Thực hiện khối đại đoàn kết với Việt - Miên - Lào.

- Vai trò của đoàn kết quốc tế với cách mạng Việt Nam: trong buổi nói chuyện với Đại sứ nước ta tại Liên Xô (1961), Hồ Chí Minh nói: “Có sức mạnh cả nước một lòng..., lại có sự ủng hộ của nhân dân thế giới, chúng ta sẽ có một sức mạnh tổng hợp cộng với phương pháp cách mạng thích hợp, nhất định cách mạng nước ta sẽ đi đến đích cuối cùng”.

- Mỗi quan hệ giữa đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế:

+ Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế.

+ Đại đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế.

+ Nếu đoàn kết dân tộc là một trong những *nhân tố quyết định* thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thì đoàn kết quốc tế cũng là một *nhân tố thường xuyên* và hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

b) Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng

- Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế. Thực hiện đoàn kết quốc tế:

+ Vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động quốc tế.

+ Vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

- Vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người nên Hồ Chí Minh luôn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu chung: *hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*. Người chỉ ra rằng, Đảng phải lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh: chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng.

+ Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội II (2-1951), Người chỉ rõ: “Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế”.

+ Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1954), Người chỉ rõ: “Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình. Tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc...”.

- Các Đảng cộng sản phải kiên trì chống lại khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh..., giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mấy thập kỷ qua là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Kết luận: trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại.

2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

a) Các lực lượng cần đoàn kết

- *Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới* - lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một đảm bảo vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

+ Tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12 – 1920), Hồ Chí Minh đã lên tiếng: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi”.

+ Hồ Chí Minh đã tiếp nhận học thuyết Lenin, tìm thấy “cẩm nang thần kỳ” cho sự nghiệp cứu nước của các dân tộc bị nô dịch.

+ Người cũng tìm thấy lực lượng ủng hộ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đó là phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là Liên Xô và sau này là các nước xã hội chủ nghĩa, là Quốc tế thứ ba và sau này là Cục Thông tin quốc tế.

+ Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp vô sản trong thời đại ngày nay.

+ Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động thế giới.

* Chỉ có sức mạnh đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình ủng hộ lẫn nhau của nhân dân lao động thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới chống lại được những âm mưu của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

* Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Việt Nam không tách rời sự đồng tình ủng hộ, chi viện của Liên Xô và các nước XHCN.

- *Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc*, từ rất sớm Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, tạo sự biệt lập, đối kháng, thù ghét dân tộc, chủng tộc..., nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Người đã kiến nghị Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm “Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”.

Hồ Chí Minh đề nghị Quốc tế Cộng sản phải “Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này...”.

- Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết.

+ Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

+ Hồ Chí Minh chú ý đến đẩy mạnh ngoại giao của nhà nước với các nước dân chủ trên thế giới và đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, xây dựng các quan hệ hữu nghị, đoàn kết với các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

+ Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ, tạo nên tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh.

b) Hình thức đoàn kết

- Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

+ Năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập “*Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa*” chống chủ nghĩa đế quốc.

- Dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý - chính trị và tính chất chính trị xã hội trong khu vực và trên thế giới, cũng như tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong mỗi thời kỳ, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

- Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt.

+ Năm 1941, Người quyết định thành lập riêng biệt *Mặt trận độc lập đồng minh* cho từng nước Việt Nam, Lào, Cao Miên., tiến tới thành lập *Đông Dương độc lập đồng minh*.

+ Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Hồ Chí Minh chỉ đạo hình thành *Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào* (Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương).

- Mở rộng quan hệ với các nước khác:

+ Đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc.

+ Đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đang đấu tranh giành độc lập. Những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã sáng lập *Hội liên hiệp thuộc địa* (Pháp), *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* (Trung Quốc), góp phần đặt cơ sở cho sự

ra đời của *Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam*.

- Trong những năm đấu tranh giành độc lập, Người tìm cách xây dựng các quan hệ với Mặt trận dân chủ và lực lượng đồng minh chống phát xít, tạo thế dựa cho cách mạng Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao, Người đã nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Người tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước XHCN, bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân Pháp trong kháng chiến chống Pháp và nhân dân Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành *Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*.

Kết luận: Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: *Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*.

2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a) Đoàn kết quốc tế trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

- Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ *độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình*.

+ Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

+ Đoàn kết giữa các Đảng là “điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người”.

+ “*Có lý*” trước hết là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn mỗi nước.

+ “*Có tình*” là sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, mục tiêu đấu tranh, đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung, không làm phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của các dân tộc khác, của các đảng khác.

- Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ *độc lập, tự do, và quyền bình đẳng giữa các dân tộc*.

+ Độc lập tự do cho mỗi dân tộc là tư tưởng nhất quán, được Hồ Chí Minh coi là chân lý, là “*lẽ phải không ai chối cãi được*”.

+ Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc

gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở các nguyên tắc đó.

+ Trả lời nhà báo Mỹ S. Êli Mâyxi (9 – 1947), Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”.

- *Đối với các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới*, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý.

+ Gương cao ngọn cờ hòa bình, chống chiến tranh xâm lược là một trong những nội dung rất quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn gương cao ngọn cờ hòa bình, đấu tranh cho hòa bình, một nền hòa bình thực sự cho tất cả các dân tộc - “hòa bình trong độc lập tự do”.

+ Gương cao ngọn cờ hòa bình và đấu tranh bảo vệ hòa bình là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Nhưng đó không phải là một nền hòa bình trừu tượng, mà là “một nền hòa bình chân chính xây trên công bình và lý tương dân chủ”, chống chiến tranh xâm lược vì quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia.

b) Đoàn kết quốc tế trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

- Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế, nhằm tăng thêm nội lực tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi cách mạng đặt ra.

+ Trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “*Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính*”, muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”.

+ Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

+ Trong đấu tranh chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”.

+ Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn.

- Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

+ Trong quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các đảng dù lớn nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”.

+ Trong kháng chiến chống Mỹ, với đường lối độc lập, tự chủ gương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.
2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong thực tiễn xây dựng đất nước như thế nào?

CHƯƠNG 6: TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng Đánh giá được vai trò của dân chủ trong từng lĩnh vực của cuộc sống, xác định được vị trí và tầm quan trọng của Nhà nước trong hệ thống chính trị.

Chương bao gồm các nội dung:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Mục tiêu

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ.
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Nội dung chính

1. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

- Hồ Chí Minh quan niệm: dân chủ có nghĩa là “dân là chủ”. Đây là quan niệm được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn, gọn, rõ, đi thẳng vào bản chất của khái niệm trong cấu tạo quyền lực của xã hội.

- Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ được biểu đạt qua hai mệnh đề ngắn gọn: “*Dân là chủ*” và “*Dân làm chủ*”. Dân là chủ nghĩa là đề cập vị thế của dân, còn dân làm chủ nghĩa là đề cập năng lực và trách nhiệm của dân. Cả hai vế này luôn đi liền với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của dân.

1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội

- Dân chủ thể hiện ở việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân.
- Dân chủ trong xã hội Việt Nam được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

+ Dân chủ thể hiện trên lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất, nổi bật nhất và được biểu hiện tập trung trong hoạt động của Nhà nước, bởi vì quyền lực của nhân dân được thể hiện trong hoạt động của Nhà nước với tư cách nhân dân có quyền lực tối cao.

+ Theo Hồ Chí Minh quan niệm dân chủ còn biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội. Khẳng định một chế độ dân chủ ở nước ta là “*bao nhiêu lợi ích đều vì dân*”, “*quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*”.

Hồ Chí Minh cũng chỉ ra phương thức tổ chức hoạt động của xã hội nước ta muốn khẳng định là một nước dân chủ thì phải có cấu tạo quyền lực xã hội mà ở đó người dân, cả trực tiếp, cả gián tiếp qua dân chủ đại diện, một hệ thống chính trị “*dân cử ra*” và “*do dân tổ chức nên*”.

- Hồ Chí Minh không chỉ coi dân chủ có ý nghĩa là một giá trị chung, là sản

phẩm của văn minh nhân loại, xem nó như là lý tưởng phấn đấu của các dân tộc, và nó không dừng lại với tư cách là một thiết chế xã hội của quốc gia mà nó còn ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên nhân ứng xử trong các quan hệ quốc tế.

1.3. Thực hành dân chủ

a) Xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ rộng rãi

- Ngay từ năm 1941, trong Chương trình của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), Hồ Chí Minh đã “*thiết kế*” một chế độ dân chủ cộng hòa cho nước ta sau khi cuộc cách mạng do nhân dân thực hiện thắng lợi. Đó là chương trình thực hiện mục tiêu dân chủ, xác định rõ quyền và trách nhiệm của nhân dân trước vận mệnh của nước nhà; gắn độc lập, tự do của Tổ quốc với quyền lợi của từng người dân.

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, một tuyên bố về chế độ dân chủ ở Việt Nam đã được Hồ Chí Minh nêu trong bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2 - 9, trong đó các giá trị về dân chủ được gắn liền với đất nước độc lập, tự do, hạnh phúc.

- Dân chủ ở nước Việt Nam mới được thể hiện và được bảo đảm trong đạo luật cơ bản nhất là Hiến pháp do Hồ Chí Minh chủ trì xây dựng và được Quốc hội thảo luận và thông qua.

Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thể hiện rõ nhất và thấm đậm nhất tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh. Bản Hiến pháp này đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc thực hiện quyền lực của nhân dân.

Năm 1959, Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định quan điểm bảo đảm dân chủ trong việc xác lập quyền lực của nhân dân trong bản Hiến pháp năm 1959. Cơ chế thực hiện quyền lực của nhân dân được phát triển, cụ thể hóa thêm. Điều đó được thể hiện rõ trong điều 4, điều 5, điều 6.

- Hồ Chí Minh chú trọng bảo đảm quyền lực của các giai cấp, tầng lớp, các cộng đồng dân tộc trong thể chế chính trị nước ta.

+ Đối với giai cấp công nhân

+ Đối với nông dân

+ Vai trò của trí thức

+ Vấn đề giải phóng phụ nữ

+ Vai trò làm chủ đất nước của thanh, thiếu niên.

- Đối với quốc gia đa dân tộc như Việt Nam, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc bảo đảm quyền làm chủ của tất cả nhân dân các dân tộc và cho rằng, phải làm cho các dân tộc làm chủ đất nước, mau chóng phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt.

b) Xây dựng các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội

vững mạnh để bảo đảm dân chủ trong xã hội

- Trong việc xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chú trọng tới việc xây dựng Đảng – với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo toàn xã hội; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; xây dựng Mặt trận với vai trò liên minh chính trị tự nguyện của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội vì mục tiêu chung của sự phát triển đất nước; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi khác của nhân dân.

- Quyền lãnh đạo của Đảng được xuất phát từ sự ủy quyền của giai cấp công nhân, của dân tộc và của nhân dân. Đảng trở thành hạt nhân chính trị của toàn xã hội và là nhân tố tiên quyết để bảo đảm tính chất dân chủ của xã hội. Dân chủ trong Đảng, do đó, trở thành yếu tố quyết định tới trình độ dân chủ của toàn xã hội.

- Nhà nước thể hiện chức năng quản lý của mình qua việc bảo đảm thực thi ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với sự phát triển của đất nước. Nhà nước thể chế hóa toàn bộ bản chất dân chủ của chế độ.

- Các tổ chức Mặt trận và đoàn thể nhân dân thể hiện quyền làm chủ và tham gia quản lý xã hội của tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tất cả các tổ chức đó đều có một mục tiêu chung là đạt tới trình độ dân chủ cao, dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thực hành dân chủ rộng rãi, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là trên nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nòng cốt là liên minh công – nông – trí.

2. QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

- Hồ Chí Minh có quan điểm nhất quán về xây dựng một Nhà nước mới ở Việt Nam là một Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Đây là quan điểm cơ bản nhất của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Người sáng lập.

- Năm 1927, trong cuốn *Đường cách mệnh* Người chỉ rõ: “*Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh thì nên làm đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc*”. Sau khi giành độc lập Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân... nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Đó là điểm khác nhau giữa nhà nước ta với nhà nước bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

a) Nhà nước của dân

- Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là xác lập tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Quan điểm này của Hồ Chí Minh được thể hiện trong các bản Hiến pháp do Người lãnh đạo soạn thảo. Điều 1 Hiến pháp

nêu rõ: “*Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”. Điều 32 nêu rõ: “*Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết...*”. Thực chất đó là chế độ trưng cầu ý dân, một hình thức dân chủ đề ra khá sớm ở nước ta.

Nhà nước là của dân thì mọi người dân là chủ, người dân có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo pháp luật.

- Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước. Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nào nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

- Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm *dân là chủ* và *dân làm chủ*. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, để cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực của xã hội.

b) Nhà nước do dân

- Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, do dân làm chủ. Do đó Người yêu cầu tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. “*Nếu chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi chính phủ*”.

- Người nêu rõ quyền của dân, Nhà nước do dân tạo ra và nhân dân tham gia quản lí là ở chỗ:

+ Toàn bộ công dân bầu ra Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp (Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ).

+ Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lí xã hội đều thể hiện ý chí của dân (thông qua Quốc hội do dân bầu ra).

c) Nhà nước vì dân

- Nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “*Việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh*”.

- Một nhà nước vì dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều là công bộc, đầy tớ của nhân dân. Là người phục vụ, nhưng cán bộ nhà nước đồng thời cũng là người lãnh đạo, hướng dẫn nhân dân. Cán bộ là đầy tớ

của nhân dân là phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính...là người lãnh đạo phải có trí tuệ hơn người, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi với dân...cán bộ phải vừa có đức vừa có tài.

2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

a) Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “*Nhà nước toàn dân*” hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước Việt Nam mới, theo quan điểm của Hồ Chí Minh là một Nhà nước mang bản chất của giai cấp công nhân. Vì:

Một là, Nhà nước do Đảng Công sản Việt Nam lãnh đạo. Điều này thể hiện:

- Đảng Công sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp, đó là:

- + Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hoá thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

- + Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước.

- + Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ, Người nhấn mạnh phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực vào tay nhân dân.

b) Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

- Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam.

- Nhà nước ta vừa mang bản chất giai cấp công nhân vừa có tính nhân dân và tính dân tộc vì nó lấy lợi ích của dân tộc làm nền tảng và bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn thể dân tộc là một. Nhà nước ta không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và toàn dân tộc.

- Trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu

mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong quản lý xã hội. Năm 1919 thay mặt những người yêu nước Việt Nam đang hoạt động tại Pháp Người gửi tới Hội nghị Vecxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Bản Yêu sách đó nêu ra yêu cầu: “Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *bảo đảm về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”; “Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”. Trong bài *Việt Nam yêu cầu ca* có câu:

*“Hai xin phép luật sửa sang,
Người Tây, người Việt hai phương cùng đồng.*

...
*Bây xin hiến pháp ban hành,
Trăm điều phải có thân linh pháp quyền”.*

Tư tưởng về một Nhà nước Pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ là giá trị đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó được thể hiện ở một số nội dung chính sau:

a. Xây dựng một Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

- Ngay sau khi giành chính quyền Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố với Quốc dân đồng bào và thế giới về sự khai sinh Nhà nước Việt Nam mới. Nhờ đó, Chính phủ lâm thời có địa vị hợp pháp và *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam thành một văn kiện nổi tiếng.

- Sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức Tổng tuyển cử để lập ra Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ, các cơ quan và bộ máy chính thức khác của Nhà nước mới.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6 – 1 – 1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Ngày 2 – 3 – 1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã họp phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên.

Đây là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại của nước ta.

b) Hoạt động quản lý Nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

- Quản lý Nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống pháp luật. Pháp luật là bà đỡ cho dân

chủ. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật; ngược lại hệ thống pháp luật phải đảm bảo quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo đảm được việc thực hiện quyền lực của nhân dân. Ngay năm 1919, Người đã khẳng định vai trò của pháp luật là: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” - sức mạnh do con người và vì con người. Sáng lập ra Nhà nước dân chủ mới Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng là người có công lớn trong lập Hiến và lập pháp.

- Người chăm lo đưa pháp luật vào đời sống, tạo ra cơ chế đảm bảo cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó trong các cơ quan Nhà nước và trong nhân dân.

- Để tuyên truyền, đưa pháp luật vào đời sống xã hội, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hoá chính trị và khuyến khích nhân dân tham gia vào công việc Nhà nước, khắc phục mọi thứ dân chủ hình thức. Người nhắc nhở cán bộ phải lo *“làm sao cho dân được biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”*.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nêu gương trong việc khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Chính phủ và yêu cầu cán bộ, các cấp các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật.

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài

- Hồ Chí Minh luôn đề cao vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức. Người coi cán bộ nói chung *“là cái gốc của mọi công việc”*, *“muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”*.

- Yêu cầu tổng quát nhất đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên theo Bác đó là những người *vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý và có hiệu quả*.

- Những yêu cầu cụ thể của Người đối với cán bộ, công chức như sau:

Một là, phải tuyệt đối trung thành với cách mạng.

Hai là, hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn nghiệp vụ.

Ba là, có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Bốn là, cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”.

Năm là, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước.

2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

a) Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh thường chỉ rõ những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

- *Đặc quyền, đặc lợi*

Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời đề vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa các nhân

- *Tham ô, lãng phí, quan liêu*

Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “*giặc nội xâm*”, “*giặc ở trong lòng*”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “*Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám*”.

Ngày 27 – 11 – 1946, Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26 – 1 – 1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công dân là tội tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Chính bản thân Người luôn là tấm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hàng ngày. Lãng phí được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, một vấn đề quốc sách của mọi quốc gia.

Bệnh quan liêu: đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu vào từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ *không kiểm tra đến nơi đến chốn*... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là *bệnh quan liêu* đã áp ủ, dung túng, che trở cho tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- “*Tư túng*”, “*chia rẽ*”, “*kiêu ngạo*”

Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kết bè, kéo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc nước là việc công, chứ không phải là việc riêng gì dòng họ của ai.

Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau, còn có người “*bênh vực lớp này, chống lại lớp khác*”.

Ngoài bệnh cậy thế, có người còn kiêu ngạo, “*tưởng mình ở trong cơ quan*

Chính phủ là thần thánh rồi... Cử chỉ lúc nào cũng vác mặt quan cách mạng”, làm mất uy tín của Chính phủ.

b) Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử (kết hợp nhuần nhuyễn cả “đức trị” và “pháp trị”).

Trong việc thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình với cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh bao giờ cũng thể hiện là một người sáng suốt, thống nhất hài hoà giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái nhưng không bao che cho những sai lầm, khuyết điểm của bất cứ ai. Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ đó ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì.

Hồ Chí Minh dùng sức mạnh uy tín của mình để cảm hoá những người có lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng, giáo dục những người mắc khuyết điểm để họ tránh phạm pháp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ.
2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.
3. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.
4. Nêu những căn bệnh trong hoạt động của nhà nước mà theo Hồ Chí Minh cần khắc phục trong quá trình xây dựng nhà nước mới. Liên hệ thực tiễn ở nước ta hiện nay?

Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

Giới thiệu: Chương hướng đến hình thành kỹ năng đánh giá được vai trò của văn hóa, đạo đức và xây dựng con người trong đời sống. Từ đó, vận dụng vào quá trình rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tri thức của bản thân.

Chương bao gồm các nội dung:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng con người mới

Mục tiêu:

Sinh viên nêu và phân tích được:

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa và vai trò của văn hóa.
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng con người mới.

Nội dung chính

1. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Định nghĩa văn hóa

Tháng 8/1943, khi còn trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, lần đầu tiên Hồ Chí Minh đưa ra khái niệm văn hóa, Người viết: *“Vĩ lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”*.

1.1.2. Quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới

- “1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.*
- 2. Xây dựng luân lý: biết hi sinh mình, làm lợi cho quần chúng.*
- 3. Xây dựng XH: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong XH.*
- 4. Xây dựng chính trị: dân quyền.*
- 5. Xây dựng kinh tế”*.

1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

1.2.1. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội

Một là, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng.

- Trong quan hệ với chính trị, xã hội: chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng.

- Trong quan hệ với kinh tế: kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa.

Hai là, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải đứng ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

- Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị: văn hóa có tính tích cực, chủ động, đóng vai trò to lớn như một động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và chính trị.

- Kinh tế và chính trị phải có tính văn hóa: làm cho văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

1.2.2. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa

Gồm ba tính chất: tính dân tộc, tính khoa học, tính đại chúng

- Tính dân tộc (hay còn gọi là đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc): nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hóa dân tộc, giúp phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa của dân tộc khác.

- Tính khoa học: thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hóa của thời đại.

- Tính đại chúng: thể hiện ở chỗ nền văn hóa ấy phải phục vụ nhân dân và do nhân dân xây dựng nên.

1.2.3. Quan điểm về chức năng của văn hóa

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp

- Lý tưởng: là điểm hội tụ của những tư tưởng lớn của một Đảng, một dân tộc. Đối với nhân dân Việt Nam đó là lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Tình cảm: đó là lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người, yêu tính chân thực, chân thành, thủy chung,...

Hai là, mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí

- Dân trí đó là trình độ hiểu biết, là vốn kiến thức của người dân.

- Mục tiêu nâng cao dân trí của văn hóa qua các giai đoạn cách mạng đều nhằm mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh; hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.

- Mối quan hệ giữa phẩm chất và phong cách: phẩm chất thường được biểu hiện qua phong cách, tức là lối sống sinh hoạt, làm việc, lối sống ứng xử trong đời sống,...

- Văn hóa giúp con người hình thành những phẩm chất, phong cách, lối sống đẹp, từ đó con người phấn đấu cho cái tốt đẹp, lành mạnh ngày càng tăng, cái lạc hậu, bảo thủ ngày càng giảm,...

1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực của văn hóa

1.3.1. Văn hóa giáo dục

- Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc nền giáo dục phong kiến và thực dân chuẩn bị tư tưởng cho việc xây dựng một nền giáo dục của nước Việt Nam độc lập sau này

- Tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa giáo dục: việc xây dựng một nền giáo dục của nước Việt Nam mới phải được coi là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược, cơ bản và lâu dài

1.3.2. Văn hóa văn nghệ

Văn nghệ (bao gồm văn học và nghệ thuật) là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hóa, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Hồ Chí Minh đưa ra nhiều quan điểm và có ba quan điểm lớn:

Một là, văn hóa – văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

- Khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa – văn nghệ trong sự nghiệp cách mạng
- Mặt trận văn hóa được coi như một “cuộc chiến không lồ” giữa chính và tà, giữa cách mạng và phản cách mạng

Hai là, văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân.

- Vai trò của thực tiễn: thực tiễn là nguồn nhựa sống, là sinh khí và là chất liệu vô tận cho văn nghệ sáng tác

- Qua thực tiễn, văn nghệ tạo nên các tác phẩm nghệ thuật trường tồn cùng dân tộc và nhân loại

Ba là, phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc.

- Mục tiêu của văn nghệ là phục vụ quần chúng nhân dân
- Biện pháp để thực hiện được mục tiêu này các tác phẩm văn nghệ phải đạt tới sự thống nhất hài hòa giữa nội dung và hình thức, phải chân thực về nội dung, đa dạng, phong phú về hình thức và thể loại

1.3.3. Văn hóa đời sống

Văn hóa đời sống thực chất là đời sống mới được Hồ Chí Minh nêu ra với ba nội dung: đạo đức mới, lối sống mới và nếp sống mới.

- Đạo đức mới, Người nhấn mạnh đến các đức tính: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
- Lối sống mới: là lối sống có lý tưởng, có đạo đức. Đó còn là lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại
- Nếp sống mới: là quá trình làm cho lối sống mới dần dần thành thói quen, thành phong tục tập quán tốt đẹp, kế thừa và phát triển những thuần phong mỹ tục lâu đời của dân tộc

2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

2.1. Nội dung cơ bản của Hồ Chí Minh về đạo đức

2.1.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng
- + Người khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như

gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người nhấn mạnh “người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”.

- + Trong điều kiện Đảng cầm quyền Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

- + Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế trong đó: đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

- + Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú, bằng tấm gương sống và hành động của mình, chiến đấu cho lý tưởng đó trở thành hiện thực

- + Những phẩm chất đạo đức cao quý làm cho chủ nghĩa cộng sản trở thành một sức mạnh vô địch

2.1.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- **Trung với nước, hiếu với dân**

- + Trung với nước phải gắn liền hiếu với dân

- + Trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước; là suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng

- + Hiếu với dân thể hiện ở chỗ phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân, phải dựa vào dân và lấy dân làm gốc

- **Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư**

- + Cần là siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, có hiệu quả,...

- + Kiệm là tiết kiệm (thời gian, công sức, tiết kiệm của cải,...)

- + Liêm là luôn tôn trọng của công và của dân

- + Chính là thẳng thắn, đúng đắn

- + Chí công vô tư là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị, luôn nêu cao chủ nghĩa tập thể từ bỏ chủ nghĩa cá nhân

- **Thương yêu con người, sống có tình nghĩa**

- + Yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất

- + Tình yêu thương con người phải được xây dựng trên lập trường giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hàng ngày với bạn bè, đồng chí,...

- **Có tinh thần quốc tế trong sáng**

- + Đây là nội dung rộng lớn và sâu sắc, đó là sự tôn trọng hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước,...

- + Mục đích của đoàn kết quốc tế: nhằm thực hiện những mục tiêu lớn của thời

đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là hợp tác và hữu nghị theo tinh thần: bốn phương vô sản, bốn bể đều là anh em

2.1.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

+ Nói đi đôi với làm là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng một nền đạo đức mới. Nói đi đôi với làm là đặc trưng bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh – đạo đức cách mạng

+ Nêu gương về đạo đức: phải chú ý phát hiện, xây dựng những tấm gương người tốt việc tốt,...

- Xây đi đôi với chống

+ Xây dựng đạo đức mới đạo đức cách mạng trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới

+ Xây phải đi đôi với chống với việc loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong đời sống hàng ngày

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

+ Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người

+ Đạo đức cách mạng đòi hỏi mỗi người phải tự giác rèn luyện qua hoạt động thực tiễn

2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

2.2.1. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân

+ Đạo đức là toàn bộ những chuẩn mực, quy tắc, những quan niệm về các giá trị thiện ác, lương tâm, trách nhiệm,...được xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ giữa con người với sự nghiệp, giữa con người với nhau và giữa con người với xã hội. Đạo đức là yếu tố cơ bản của nhân cách tạo nên giá trị con người.

+ Việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng đặc biệt là với thế hệ trẻ, người nào giữ được đạo đức cách mạng là người cao thượng.

- Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh: yêu tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học và kỷ luật.

2.2.2. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Thực trạng lối sống trong sinh viên hiện nay:

+ Phần lớn sinh viên, thanh niên trí thức vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, sống có bản lĩnh,...

+ Do sự bùng phát của lối sống thực dụng làm cho một bộ phận sinh viên thanh niên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, chạy theo lối sống

thực dụng.

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:
 - + Học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.
 - + Học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.
 - + Học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, bao dung và nhân hậu với con người.
 - + Học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt mục đích cuộc sống.

3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

3.1.1. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

- Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về mặt tâm lực, thể lực và các hoạt động của nó.
- Hồ Chí Minh xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện và ác, hay và dở, tốt và xấu,...bao gồm cả tính người - mặt xã hội và tính bản năng - mặt sinh học của con người.

3.1.2. Con người cụ thể, lịch sử

- Người dùng khái niệm “con người” theo nghĩa riêng nhưng đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể và một tư duy chung.
- Người xem xét con người trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp, theo giới tính, nghề nghiệp trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và quan hệ quốc tế

3.1.3. Bản chất con người mang tính xã hội

- Để sinh tồn con người phải lao động sản xuất, trong quá trình đó con người nhận thức được các hiện tượng, quy luật của tự nhiên, của xã hội, xác lập các mối quan hệ giữa người với người,...
- Con người là sản phẩm của xã hội. Theo Hồ Chí Minh, con người là sự tổng hợp các quan hệ xã hội từ rộng đến hẹp.

3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

3.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng.
- + Theo Hồ Chí Minh: “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”
- + Dân ta là tài năng, trí tuệ, sáng tạo.

- + Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng.
- Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người.
- + Hồ Chí Minh thấy rõ yêu cầu phải giải phóng dân tộc, giải phóng con người, giải phóng lao động xã hội.
- + Người có sự cảm nhận, thông cảm sâu sắc với những người cùng khổ (người lao động), nô lệ lầm than.
- + Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng đều vì lợi ích chính đáng, hợp pháp của con người.
- + Người có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo của ND.
- + Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào song trước hết là ở giai cấp công nhân.
- + Con người là động lực chỉ có thể thực hiện được khi hoạt động có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

3.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách vừa lâu dài của cách mạng.
- + Người rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, rèn luyện, đào tạo con người.
- + Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển.
- “*Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người XHCN*”.
- + Con người xã hội chủ nghĩa đương nhiên phải do chủ nghĩa xã hội đào tạo ra
- + Mỗi bước xây dựng con người như vậy là một nấc thang xây dựng CNXH.
- + Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người xã hội chủ nghĩa gồm hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau:

Một là, kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống

Hai là, hình thành những phẩm chất mới: có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, có đạo đức XHCN, có trí tuệ bản lĩnh để làm chủ, có tác phong XHCN, có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng,...

- Chiến lược “trồng người”: Biện pháp quan trọng bậc nhất là giáo dục đào tạo. Nội dung và phương pháp giáo dục đào tạo phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ, phải đạt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống XHCN lên hàng đầu.

Tư tưởng về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới là một bộ phận rất quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó đã trở thành một bộ phận của nền văn hóa dân tộc và là ngọn đèn pha soi đường cho công cuộc xây dựng một nền văn hóa và đạo đức mới ở Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về văn hóa.

2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Sinh viên cần học tập những chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh như thế nào?

3. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa. Để xây dựng văn hóa học đường hiện nay, sinh viên cần làm gì?